

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 05/2025)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

5. Nâng cao năng suất ngành dầu khí bằng tiêu chuẩn ISO/TS 29001
6. Biên tập lại dữ liệu xác thực an toàn thông tin theo tiêu chuẩn
7. Trách nhiệm truy xuất nguồn gốc hàng hóa trên sàn thương mại điện tử: Khoảng trống pháp lý cần được lấp đầy
8. Yêu cầu thiết bị đánh giá tính độc hại gây chết người của sản phẩm khí sinh ra khi cháy theo tiêu chuẩn
10. Tiêu chuẩn hóa – Đòn bẩy thúc đẩy năng suất chất lượng ngành điện tử
11. IEC 62841: Tiêu chuẩn đảm bảo an toàn cho dụng cụ làm vườn trong thời đại mới
12. Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn Quốc gia cho hệ thống cảnh báo mở cửa trên ô tô
14. IEC tiên phong xây dựng tiêu chuẩn dành cho vùng "lưới điện yếu"
15. Đánh giá hiệu suất pin thiết bị vệ sinh một cách thực tế và toàn diện
17. Tiêu chuẩn phải là phương tiện dẫn đường doanh nghiệp
18. Chủ động áp dụng các tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp vượt qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại
19. Mạnh dạn áp dụng tiêu chuẩn VietGap mang lại hiệu quả rõ rệt cho các doanh nghiệp, hợp tác xã
20. Chuẩn hóa đánh giá chính sách với TCVN 14397:2025
21. ISO/IEC 42001: 2023 – Hướng dẫn quản lý AI hiệu quả, bền vững
22. Quản lý cấu hình cho tổ chức theo tiêu chuẩn Quốc tế
23. Tiêu chuẩn Scan – Nâng cao hiệu quả trong chuỗi cung ứng toàn cầu
24. Sửa đổi, bổ sung một số điều luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: Tạo động lực mới cho hội nhập quốc tế

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

26. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 05/2025



❖ BỘ Y TẾ

Ngày 28/04/2025, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BYT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.



Ban hành kèm theo Thông tư này QCVN 01:2025/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, bao gồm: Acrolein; acrylamid; acrylonitril; amyl acetat; anhydrid phthalic; antimon; ANTU; asphalt (dạng khói); aceton cyanohydrin; acetonitril; acid formic; acid methacrylic; hydro nitrat; trihydro phosphat; acid picric; acid trichloroacetic; azinphos methyl; bạc và các hợp chất hòa tan; benomyl (bụi toàn phần); benzidin; benzoyl peroxide; benzyl chloride; beryli và các hợp chất; brom; 1,3-butadien; n-butyl acetat; butyl acrylat; carbofuran; calci carbonat (bụi toàn phần); calci hydroxide (bụi toàn phần); calci oxide; calci silicat (bụi toàn phần); calci sulfat dihydrat (bụi toàn phần); calci cyanamid; caprolactam (dạng bụi); caprolactam (dạng hơi); captan; carbaryl; catechol; chì tetraethyl; chì và các hợp chất vô cơ; chloroacetaldehyd; chlor dioxide; chloroacetophenol; chlorobenzen; chloropren; cresol; crotonaldehyd; cumen; dầu khoáng (dạng sương); dầu mỏ (naphthas); dầu

thông; dầu thực vật (dạng sương-bụi toàn phần); dung môi Stoddard; đá talc (bụi hô hấp); đá talc (bụi toàn phần); demeton; diazinon; diboran; dibutyl phthalat; 1,1- dichloroethan; 1,1 - dichloroethylen; dichlorvos; dicrotophos; dimethylamin; dimethylformamid; 1,1 - dimethylhydrazin; dimethyl sulfat; dinitrobenzen; dinitrotoluen (DNT).

Quy chuẩn này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường lao động: các cơ quan, tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động phát sinh các yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025./.

❖ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 15/05/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư 01/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực từ ngày 14/11/2025, quy định 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

Theo đó, Ban hành kèm theo Thông tư 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2025/BNNMT)

QCVN 26:2025/BNNMT quy định giới hạn tối đa các mức ồn tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2025/BNNMT)

Quy chuẩn này quy định giới hạn tối đa cho phép mức gia tốc rung tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (QCVN 43:2025/BNNMT)

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng trầm tích nước mặt và trầm tích biển.

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phát sinh tiếng ồn, độ

rung và chất lượng trầm tích trên lãnh thổ Việt Nam.



Điều khoản chuyển tiếp và lộ trình áp dụng: Các cơ sở đã đi vào vận hành hoặc dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt trước 14/11/2025 (ngày Thông tư có hiệu lực) được tiếp tục áp dụng các quy chuẩn cũ cho đến hết ngày 31/12/2026.

Từ ngày 01/01/2027, tất cả các trường hợp phải đáp ứng yêu cầu của các quy chuẩn mới. Khuyến khích áp dụng các quy chuẩn mới ngay từ khi Thông tư có hiệu lực./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

➤ ***Quyết định ban hành tiêu chuẩn Quốc gia***

Quyết định số 397/QĐ-BKHCN (2/04/2025):

1. TCVN 14331:2025, Phân bón – Xác định myo-inositol bằng phương pháp sắc ký khí khối phổ (GC-MS)

Quyết định số 398/QĐ-BKHCN (2/04/2025):

1. TCVN 14291-1:2024, Công nghệ thông tin. Internet vạn vật (IoT) - Nền tảng trao đổi dữ liệu cho các dịch vụ IoT - Phần 1: Các yêu cầu chung và kiến trúc

2. TCVN 14361:2025, Công nghệ thông tin. Internet vạn vật (IOT) - Phương pháp luận về tính đáng tin cậy của hệ thống/ dịch vụ IOT

Quyết định số 416/QĐ-BKHCN (03/04/2025):

1. TCVN 14303:2025, Hạt tiêu (*Piper nigrum* L.)
2. TCVN 14304:2025, Xoài sấy dẻo

Quyết định số 420/QĐ-BKHCN (03/04/2025):

1. TCVN 1-2:2025, Xây dựng tiêu chuẩn – Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia
2. TCVN 6313:2025, Các khía cạnh an toàn - Hướng dẫn về an toàn cho trẻ em trong tiêu chuẩn
3. TCVN 6844:2025, Các khía cạnh an toàn - Hướng dẫn đề cập khía cạnh an toàn trong

tiêu chuẩn

Quyết định số 561/QĐ-BKHCN (14/04/2025):

1. TCVN ISO/IEC 17043:2025, Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu chung đối với năng lực của tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo
2. TCVN ISO/IEC 17060:2025, Đánh giá sự phù hợp - Quy tắc thực hành tốt
3. TCVN ISO 15189:2025, Phòng xét nghiệm y tế - Yêu cầu về chất lượng và năng lực

Quyết định số 564/QĐ-BKHCN (14/04/2025):

1. TCVN 7818-2:2025, Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Dịch vụ cấp dấu thời gian – Phần 2: Cơ chế tạo thẻ độc lập
2. TCVN 7818-3:2025, Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Dịch vụ cấp dấu thời gian – Phần 3: Cơ chế tạo thẻ liên kết

Quyết định số 675/QĐ-BKHCN (25/04/2025):

1. TCVN 5543:2025, Đồ trang sức – Màu của hợp kim vàng – Định nghĩa, dải màu và ký hiệu
2. TCVN 9876:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định vàng, platin và paladi độ tinh khiết cao – Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES
3. TCVN 10616:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Độ tinh khiết của hợp kim kim loại quý
4. TCVN 10623:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định platin trong hợp kim platin –

Phương pháp ICP-OES sử dụng nguyên tố nội chuẩn

5. TCVN 10624:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định paladi trong hợp kim paladi – Phương pháp ICP-OES sử dụng nguyên tố nội chuẩn

7. TCVN 14320:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định bạc độ tinh khiết cao – Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES

8. TCVN 14321:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Phân cấp chất lượng kim cương đã chế tác – Thuật ngữ, phân loại và phương pháp thử

9. TCVN 14322:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Đặc tính kỹ thuật của thỏi vàng 1 Kg

10. TCVN 14323:2025, Đồ trang sức và kim loại quý – Độ tinh khiết của vật liệu hàn sử dụng trong các hợp kim kim loại quý dùng làm trang sức

Quyết định số 744/QĐ-BKHHCN (29/04/2025):

1. TCVN 14397:2025, Hướng dẫn đánh giá kết quả đầu ra của chính sách

2. TCVN ISO 56001:2025, Hệ thống quản lý đổi mới – Các yêu cầu

Quyết định số 750/QĐ-BKHHCN (29/04/2025):

1. TCVN 14217:2025, Vật liệu cách nhiệt - Bông khoáng cách nhiệt dạng tấm và dạng khối

2. TCVN 14218:2025, Vật liệu cách nhiệt - Bông khoáng cách nhiệt dạng cuộn và dạng cuộn ống (Phủ lưới kim loại, loại công nghiệp)

3. TCVN 14219:2025, Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định độ thấm hơi nước của bông khoáng cách nhiệt

4. TCVN 14220:2025, Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định kích thước và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng tấm và dạng khối

5. TCVN 14221:2025, Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định kích thước và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng ống

6. TCVN 14222:2025, Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định các đặc tính khi nén của vật liệu cách nhiệt

Quyết định số 851/QĐ-BKHHCN (12/05/2025):

1. TCVN 7568-14:2025, Hệ thống báo cháy - Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình

2. TCVN 12314-3:2025, Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy tự động kích hoạt - Phần 3: Bình bột vỏ xốp

➤ **Quyết định hủy bỏ tiêu chuẩn Quốc gia**

Quyết định số 415/QĐ-BKHHCN (03/04/2025):

1. TCVN 7036:2008, Hạt tiêu đen (Piper Nigrum L.) - Quy định kỹ thuật

2. TCVN 7037:2002, Hạt tiêu trắng (piper nigrum L.) - Quy định kỹ thuật

3. TCVN 11454:2016, Hạt tiêu (Piper nigrum L.) xanh khô – Các yêu cầu

Quyết định số 676/QĐ-BKHHCN (25/04/2025):

1. TCVN 5543:1991, Màu của hợp kim vàng - Định nghĩa, gam màu và ký hiệu

2. TCVN 9876:2017, Đồ trang sức - Xác định hàm lượng kim loại quý trong hợp kim vàng, platin, paladi 999‰ dùng làm đồ trang sức - Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES.

3. TCVN 10616:2014, Đồ trang sức - Độ tinh khiết của hợp kim kim loại quý

4. TCVN 10623:2014, Đồ trang sức - Xác định hàm lượng platin trong hợp kim Platin dùng làm đồ trang sức - Phương pháp ICP-OES sử dụng Ytri như nguyên tố nội chuẩn

5. TCVN 10624:2014, Đồ trang sức - Xác định hàm lượng paladi trong hợp kim Paladi dùng làm đồ trang sức - Phương pháp ICP-OES sử dụng Ytri như nguyên tố nội chuẩn

Quyết định số 747/QĐ-BKHHCN (29/04/2025):

1. TCVN 8054:2009, Vật liệu cách nhiệt - Sản phẩm bông thủy tinh - Yêu cầu kỹ thuật

Quyết định số 850/QĐ-BKHHCN (12/05/2025):

1. TCVN 7568-14:2015, Hệ thống báo cháy - Phần 14: Thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng các hệ thống báo cháy trong nhà và xung quanh tòa nhà

2. TCVN 5738:2021, Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật./.

NÂNG CAO NĂNG SUẤT NGÀNH DẦU KHÍ BẰNG TIÊU CHUẨN ISO/TS 29001

Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO/TS 29001 được đánh giá là “chìa khóa” giúp doanh nghiệp trong ngành dầu khí nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo an toàn và hướng tới phát triển bền vững.

Tiêu chuẩn cho ngành công nghiệp đặc thù



Theo đó, ISO/TS 29001 là một tài liệu kỹ thuật được phát triển nhằm bổ sung cho hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, tập trung vào các yêu cầu cụ thể đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành dầu mỏ, hóa dầu và khí thiên nhiên. Đây được xem là tiêu chuẩn “may đo” cho lĩnh vực có nhiều yếu tố rủi ro và đòi hỏi cao về an toàn, môi trường và chất lượng sản phẩm.

Việc triển khai ISO/TS 29001 giúp doanh nghiệp xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng mang tính chuyên biệt, từ đó kiểm soát tốt hơn các quy trình liên quan đến chất lỏng, khí nguy hiểm và các sản phẩm có độ rủi ro cao. Tiêu chuẩn này bao quát cả chuỗi giá trị từ khai thác, chế biến đến phân phối, giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn hoạt động sản xuất, vận hành và bảo dưỡng.

Theo các chuyên gia, ISO/TS 29001 không chỉ đơn thuần là một bộ quy tắc quản lý chất lượng mà còn là “tấm vé thông hành” để doanh nghiệp ngành dầu khí khẳng định uy tín trên thị trường quốc tế. Việc tuân thủ tiêu chuẩn này cho thấy doanh nghiệp đã thực hiện các biện

pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người lao động, khách hàng và cộng đồng - những yếu tố ngày càng được coi trọng trong các hợp đồng thương mại toàn cầu.

Đặc biệt, tiêu chuẩn này còn tạo điều kiện để doanh nghiệp kết nối với các yếu tố môi trường, đảm bảo sự minh bạch trong sản xuất, từ đó củng cố niềm tin từ phía nhà đầu tư, đối tác và các cơ quan quản lý. Đây là yếu tố quan trọng trong bối cảnh xu hướng chuyển đổi xanh, phát triển bền vững đang lan rộng trên toàn cầu.

Tích hợp linh hoạt, nâng cao năng suất

Theo chuyên gia tại Ủy ban Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), một ưu điểm khác của ISO/TS 29001 là khả năng tích hợp với các công cụ quản trị hiện đại như Lean, Six Sigma, Kaizen, 5S, TPM... Khi được triển khai song song, các công cụ này có thể hỗ trợ lẫn nhau, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình, giảm lãng phí và nâng cao năng suất một cách bền vững.

Chẳng hạn, Lean giúp loại bỏ các hoạt động không mang lại giá trị, Six Sigma tập trung vào giảm sai sót và cải thiện chất lượng, trong khi Kaizen khuyến khích cải tiến liên tục. Khi vận dụng khéo léo các công cụ này cùng ISO/TS 29001, doanh nghiệp có thể xây dựng một hệ thống quản lý tích hợp, không chỉ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mà còn thúc đẩy văn hóa cải tiến trong toàn bộ tổ chức.

Một ví dụ điển hình là Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam). Trong nhiều năm qua, PTSC đã triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn này như một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Việc áp dụng ISO/TS 29001 giúp PTSC kiểm soát chặt chẽ các rủi ro trong hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành dầu khí, bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành và bảo trì các công trình biển, kho

nổi chứa dầu (FPSO/FSO), cũng như dịch vụ hậu cần cho các mỏ dầu khí. Nhờ tiêu chuẩn này, PTSC không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng trên toàn chuỗi dịch vụ, mà còn tăng mức độ tin cậy với các đối tác quốc tế khi tham gia đấu thầu các dự án quy mô lớn. Đồng thời, việc tuân thủ ISO/TS 29001 cũng giúp bảo đảm an toàn cho con người, thiết bị và môi trường trong mọi công đoạn sản xuất vận hành, đồng thời tạo nền tảng để tích hợp thêm các công cụ

nâng cao năng suất như Lean, Kaizen, TPM vào hệ thống quản trị.

Việc áp dụng ISO/TS 29001 không phải là đích đến mà là điểm khởi đầu cho một hành trình phát triển bền vững. Với một ngành đặc thù như dầu khí, việc quản lý tốt các rủi ro, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn trong vận hành là điều kiện tiên quyết để phát triển lâu dài./.

(Nguyễn Nam)

BIÊN TẬP LẠI DỮ LIỆU XÁC THỰC AN TOÀN THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN

Biên tập lại dữ liệu xác thực an toàn thông tin là quá trình xử lý, tổ chức và sắp xếp lại thông tin liên quan đến xác thực để đảm bảo tính bảo mật, chính xác, và dễ quản lý trong hệ thống. Việc này đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong an toàn thông tin. Tuy nhiên để đảm bảo chính xác thì cũng nên tuân theo tiêu chuẩn.



Luật An toàn thông tin được ban hành năm 2015 đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về an toàn thông tin mạng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng.

Tuy nhiên, tình hình an ninh thông tin ở Việt Nam đã và đang có những diễn biến phức tạp. Các cơ quan đặc biệt nước ngoài, các thế lực thù địch, phản động tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, khủng bố, phá hoại hệ thống thông tin; tán phát thông tin xấu, độc hại nhằm tác động chính trị nội bộ, can thiệp, hướng lái chính sách, pháp luật của Việt Nam.

Gia tăng hoạt động tấn công mạng nhằm vào hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Vì vậy việc biên tập lại dữ liệu xác thực an toàn thông tin là quá trình xử lý, tổ chức và sắp xếp lại thông tin liên quan đến xác thực để đảm bảo tính bảo mật, chính xác, và dễ quản lý trong hệ thống. Đây không chỉ là thao tác kỹ thuật, mà còn là bước chiến lược giúp tăng cường an toàn hệ thống, giảm thiểu rủi ro và tuân thủ pháp luật nhưng nên tuân thủ theo tiêu chuẩn.

Hiện nay Bộ Khoa học và Công Nghệ đã ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14191-1:2024 an toàn thông tin- yêu cầu chung về biên tập lại dữ liệu xác thực áp dụng cho mọi tổ chức, đơn vị có thu thập, lưu trữ, xử lý hoặc chia sẻ dữ liệu xác thực trong các hệ thống thông tin.

Mục tiêu của bộ tiêu chuẩn TCVN 14191 (ISO/IEC 23264) là khắc phục sự không tương

thích hiện có hoặc các thuộc tính được xác định không nhất quán trong các thông số kỹ thuật hiện có của các lược đồ như vậy và để dễ dàng áp dụng công nghệ này trong thực tiễn. Tạo nền tảng cho các phần tiếp theo bằng cách chỉ định và xác định các thuật ngữ và thuộc tính chung cho các chương trình.

Phạm vi áp dụng tiêu chuẩn này đó là xác định các thuộc tính của cơ chế mật mã để biên tập lại dữ liệu xác thực. Đặc biệt, nó xác định các quá trình liên quan đến các cơ chế đó, các bên tham gia và các thuộc tính mật mã. Quá trình biên tập lại chính là quá trình lấy đầu vào là thông điệp đã được chứng thực, các tham số miền, khóa được biên tập lại, hướng dẫn sửa đổi và xuất ra một thông điệp chứng thực đã được biên tập lại bằng cách áp dụng hướng dẫn sửa đổi.

Tùy thuộc vào việc khởi tạo, khóa xác minh có thể là bí mật hoặc công khai. Trong trường hợp khóa xác minh công khai, không thể sử dụng kiến thức về khóa xác minh để suy ra thông tin về khóa chứng thực bí mật của bên chứng thực. Quá trình xác minh chính là kiểm tra xem chứng thực đã cho có phải là chứng thực hợp lệ cho thông điệp đã cho trong khóa xác minh nhất định hay không và đưa ra kết quả của việc xác minh chứng thực hợp lệ hay không hợp lệ.

Trong quá trình chứng thực có thể được biên tập lại, bên chứng thực tính toán chứng thực có thể được biên tập lại cho một thông điệp nhất định và xác định rõ về các thay đổi có thể chấp nhận được dựa trên sự phân tích nhất định của thông điệp./.

(Thanh Thúy)

TRÁCH NHIỆM TRUY XUẤT NGUỒN GỐC HÀNG HÓA TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ CẦN ĐƯỢC LẤP ĐẦY

Theo quy định hiện hành của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các tổ chức và cá nhân sản xuất - kinh doanh phải chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tuy nhiên, trong môi trường thương mại điện tử (TMĐT), nơi hàng trăm nghìn đơn vị bán lẻ đưa sản phẩm lên nền tảng trực tuyến, còn sàn TMĐT chỉ đóng vai trò “trung gian”, quy định này đang dần trở nên thiếu hiệu lực trong thực tế.

Phần lớn các sàn TMĐT hiện nay không yêu cầu người bán cung cấp chứng từ chứng minh nguồn gốc hàng hóa, đặc biệt là với các sản phẩm không thuộc danh mục quản lý chuyên ngành. Chính sự lỏng lẻo này đã tạo ra lỗ hổng khiến hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ vẫn có thể được rao bán công khai, thậm chí quảng bá rầm rộ và giao đến tận tay người tiêu dùng.

Giới chuyên gia nhận định, hiện vẫn chưa có quy định nào buộc sàn TMĐT phải chịu trách

nhiệm liên đới về chất lượng hay nguồn gốc sản phẩm của bên bán. Điều này khiến người tiêu dùng rơi vào thế bị động, không biết phải tin vào ai giữa ma trận hàng hóa trên mạng. Thực tế, không khó để bắt gặp các loại thực phẩm chức năng, mỹ phẩm được quảng cáo là



“nhập khẩu chính hãng”, dù không có bất kỳ giấy tờ công bố lưu hành hoặc chứng nhận hợp quy nào.

Từ góc độ pháp lý, nhiều chuyên gia cho rằng sự “né tránh” trách nhiệm của các sàn TMĐT có thể xuất phát từ quy định trong Nghị định 52/2013/NĐ-CP – văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động TMĐT, vốn xác định sàn chỉ là đơn vị cung cấp nền tảng kỹ thuật. Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, các sàn không chỉ dừng ở việc cung cấp nền tảng mà còn trực tiếp kiểm duyệt sản phẩm, kiểm soát giá bán, tham gia vào logistics và hưởng lợi nhuận từ mỗi giao dịch. Vì vậy, việc tiếp tục coi sàn là “người ngoài cuộc” là điều không còn phù hợp.

Một hệ quả rõ rệt của việc thiếu cơ chế truy xuất nguồn gốc là niềm tin của người tiêu dùng bị suy giảm nghiêm trọng. Trong khi hàng hóa tại các siêu thị phải niêm yết tem truy xuất, mã QR, chứng từ kiểm nghiệm... thì trên các nền tảng số, người bán chỉ cần vài hình ảnh và mô tả sơ sài là có thể chào bán sản phẩm.

Đáng lo ngại hơn, khi xảy ra tranh chấp hay sự cố liên quan đến sản phẩm, phần lớn các sàn thường đẩy trách nhiệm sang cho người bán thông qua chính sách “người bán tự chịu trách nhiệm”. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người tiêu dùng gần như không thể xác minh danh tính thật của người bán hoặc truy cứu trách nhiệm pháp lý, do thông tin đăng ký mập mờ, thậm chí giả mạo. Ngay cả cơ quan chức năng cũng gặp khó khăn trong việc lần ra

chủ thể đứng sau các gian hàng ảo.

Theo đó, ông Võ Văn Trung - Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam cho rằng, cần phải thực hiện nghiêm việc truy xuất nguồn gốc bởi không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát chất lượng sản phẩm mà còn tạo dựng lòng tin với khách hàng, giảm rủi ro bị nhái thương hiệu. Đây sẽ là “hàng rào mềm” nhưng vô cùng hiệu quả để ngăn chặn dòng hàng giả, góp phần làm sạch môi trường kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử”.

Luật sư Nguyễn Thành Luân, Giám đốc Công ty Luật Hà Việt nhận định, tại Khoản 2 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định rõ trách nhiệm truy xuất nguồn gốc thuộc về tổ chức, cá nhân sản xuất – kinh doanh. Tuy nhiên, nếu sàn TMĐT tham gia vào quá trình phân phối, kiểm duyệt và trực tiếp thu lợi nhuận từ giao dịch, thì rõ ràng họ cũng là một mắt xích trong chuỗi cung ứng và cần chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng.

Theo ông Luân, đã đến lúc cần rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật liên quan – đặc biệt là Nghị định 52 – để phân định rõ trách nhiệm của sàn TMĐT, nhất là đối với các mặt hàng nhạy cảm như thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm. Đồng thời, cần sớm thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về truy xuất nguồn gốc, yêu cầu doanh nghiệp khai báo thông tin sản phẩm và buộc sàn phải kết nối để xác thực trước khi phân phối ra thị trường./.

(Yến Hoa)

YÊU CẦU THIẾT BỊ ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐỘC HẠI GÂY CHẾT NGƯỜI CỦA SẢN PHẨM KHÍ SINH RA KHI CHÁY THEO TIÊU CHUẨN

Trong đám cháy có rất nhiều loại khí độc sinh ra từ khói là nguyên nhân chính khiến nạn nhân tử vong bởi nguyên nhân độc, ngạt khí. Theo đó để giúp đánh giá sớm mức độ độc hại của khí cháy giúp lựa chọn vật liệu ít gây nguy hiểm hơn, đặc biệt trong các công trình công cộng, nhà cao tầng, phương tiện giao thông thì việc sử dụng các thiết bị đánh giá là điều cần thiết nhưng nên

tuân theo TCVN 13526:2024 để đảm bảo chính xác.

Tiến sĩ Khuất Quang Sơn, Giảng viên hóa học, Đại học Phòng cháy Chữa cháy (Hà Nội), cho biết, mỗi đám cháy tạo ra nhiều loại khí độc riêng tùy thuộc các vật liệu độc hại có tại hiện trường. Chẳng hạn, vải, quần áo, chăn màn cháy có thể tạo ra khí hydrogen chloride, phosphagen; xăng, lốp xe, đồ dân dụng cháy



hình thành khí sulfur dioxide; vật dụng trong bếp tạo khí hydrogen cyanide, amonia, hydrogen sulphide. Tuy nhiên, khi đốt cháy, hầu như tất cả vật liệu đều tạo ra khí độc phổ biến nhất là CO, CO₂.

CO là một loại khí độc không màu, không mùi, không vị nhưng rất nguy hiểm. Ban đầu, khí CO không gây khó chịu nên rất khó phát hiện. Khí độc này thường gây các triệu chứng thần kinh. Ở mức độ nhẹ, việc nhiễm độc có thể gây cảm giác đau đầu, buồn nôn, nôn ói. Mức độ cao hơn nữa là tình trạng khó tập trung, hoa mắt, lờ mờ, lú lẫn. Nếu không ra khỏi vùng khí độc, nạn nhân có thể khó thở, đau ngực, hôn mê, ức chế thần kinh trung ương gây ngưng thở.

Ngoài ra, khí CO còn ngấm vào máu, chiếm chỗ của khí oxy để gắn vào hồng cầu, khiến máu đến mô bị thiếu oxy, từ đó gây tổn thương các cơ quan như hủy cơ, suy thận, gan... Lúc này, bệnh nhân bị bồng kết hợp hít phải khí độc, nguy cơ tử vong lên đến 90%. Do vậy, cần phải thiết lập một tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm để đánh giá tính độc hại của các sản phẩm khí sinh ra khi cháy bằng các thiết bị đánh giá.

Căn cứ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13526:2024 ISO 13344:2015 về thiết bị đánh

giá tính độc hại gây chết người của các sản phẩm khí sinh ra khi cháy do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thì mô hình thí nghiệm cháy, hoặc thiết bị đốt cháy trong phòng thí nghiệm, và các điều kiện vận hành mô hình đó phải được chọn sao cho có liên quan đến một hay nhiều loại hoặc giai đoạn cháy như định nghĩa và mô tả trong ISO 19706.

Khi thu thập dữ liệu về các sản phẩm khí sinh ra khi cháy từ quá trình đốt cháy của một sản phẩm hoặc cụm sản phẩm thương mại, không phải là vật liệu đồng nhất, thì hình thức và trạng thái của các mẫu thử trong mô hình thí nghiệm cháy phải tương ứng với sự lộ lửa thích hợp của sản phẩm hoặc cụm sản phẩm thương mại đó.

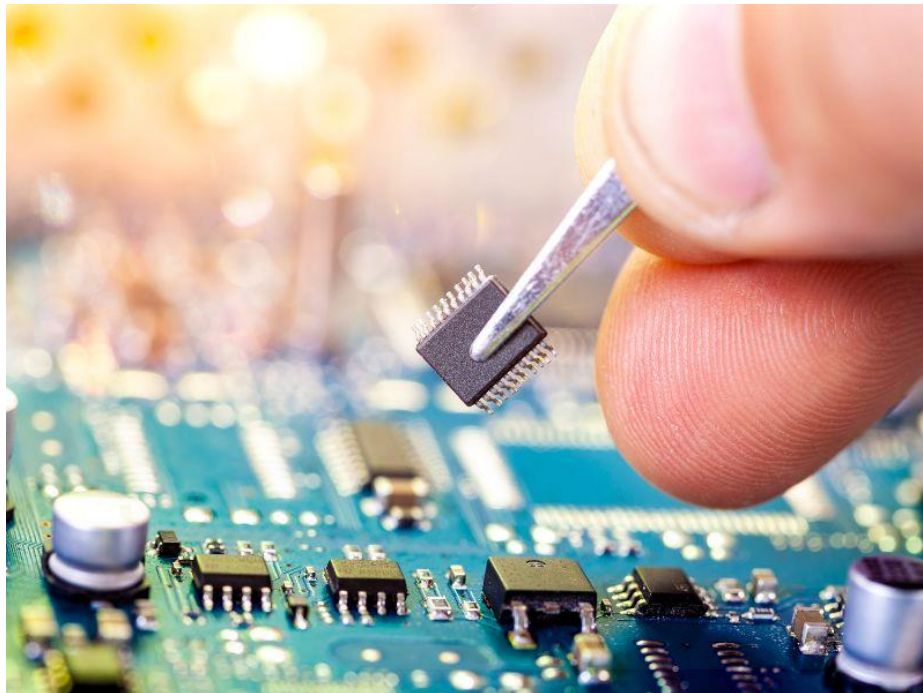
Độ lặp lại và độ tái lập trong thí nghiệm liên phòng của mô hình thí nghiệm cháy phải được chứng minh là nằm trong phạm vi tính biến động khi tính toán giá trị FED đối với những khí kích ứng và gây ngạt trong ISO 13571.

Ngoài ra Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13526:2024 cũng đưa ra cảnh báo nguy hiểm tính độc hại gây chết người của các sản phẩm khí sinh ra khi cháy. Theo đó toàn bộ hệ thống tiếp xúc phải được đặt trong phạm vi chụp hút của phòng thí nghiệm hoặc dưới vòm thu khói. Khả năng hoạt động bình thường của hệ thống thông gió phải được kiểm tra trước khi thử nghiệm và phải đảm bảo xả vào hệ thống thu khí với công suất phù hợp. Nhân viên vận hành phải có trách nhiệm đảm bảo rằng họ tuân thủ tất cả các quy định phù hợp về giải phóng và/hoặc thải bỏ các sản phẩm cháy hoặc khí sinh ra khi cháy./.

(*Hồng Vân*)

TIÊU CHUẨN HÓA – ĐÒN BẨY THỨC ĐẨY NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG NGÀNH ĐIỆN TỬ

Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và công cụ đo lường hiện đại giúp doanh nghiệp điện tử Việt Nam tăng năng suất, cải thiện chất lượng và mở rộng thị trường xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.



Chuẩn hóa quy trình, nâng tầm sản phẩm Với kim ngạch xuất khẩu gần 126,5 tỷ USD trong năm 2024 và mục tiêu vượt 140 tỷ USD vào năm 2025, ngành điện tử đang trở thành điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để không bị tụt lại trong cuộc chơi toàn cầu, doanh nghiệp trong ngành cần coi tiêu chuẩn hóa không chỉ là công cụ nâng cao năng suất mà còn là tấm vé thông hành để tham gia sâu vào chuỗi giá trị quốc tế.

Thực tế, nhiều doanh nghiệp điện tử tại Việt Nam đã mạnh dạn áp dụng các công cụ đo lường tiên tiến và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế như một đòn bẩy để tối ưu hóa vận hành và nâng cao chất lượng. Đơn cử tại Công ty TNHH Canon Việt Nam - một trong những nhà đầu tư FDI lớn tại Bắc Ninh đã triển khai Hệ thống quản lý đo lường theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 tại các phòng thí nghiệm hiệu chuẩn nội bộ, cho phép kiểm soát chính xác thông số kỹ thuật trong toàn bộ dây chuyền sản xuất. Nhờ

đó, tỷ lệ sản phẩm lỗi giảm hơn 30% và chi phí kiểm tra đầu ra tiết kiệm hàng tỷ đồng mỗi năm.

Bên cạnh đó, Canon Việt Nam còn sử dụng thiết bị đo lường hiện đại để kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào lẫn thành phẩm đầu ra, đồng thời thu thập dữ liệu để phân tích nguyên nhân gây lỗi và đề xuất cải tiến. Việc đạt chứng nhận ISO 9001 và ISO 14001 càng khẳng định cam kết của doanh nghiệp trong việc tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế và phát triển bền vững.

Tương tự, Công ty TNHH Điện tử Foster (Hải Phòng) đã đầu tư hàng triệu USD để xây dựng hệ thống đo kiểm tự động cho linh kiện âm thanh. Việc tích hợp phần mềm phân tích dữ liệu đo lường theo thời gian thực giúp rút ngắn một nửa thời gian kiểm tra sản phẩm và tăng năng suất lao động lên khoảng 20%.

Không chỉ tập trung vào đo lường, nhiều doanh nghiệp điện tử Việt Nam đã chủ động áp dụng bộ tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, IATF 16949 (ngành ô tô), IPC-A-610 (lắp ráp linh kiện điện tử)... nhằm bảo đảm chất lượng đồng nhất và chinh phục thị trường xuất khẩu.

Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SaigonTel) là một ví dụ điển hình. Với việc triển khai đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và tiêu chuẩn IPC trong sản xuất bảng mạch in (PCB), sản phẩm của SaigonTel đã vượt qua nhiều rào cản kỹ thuật khắt khe, được các đối tác Nhật Bản và châu Âu công nhận, giúp mở rộng thị phần xuất khẩu từ dưới 10% lên hơn 35% chỉ trong vòng 3 năm.

Bên cạnh đó, Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất

lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (Chương trình 1322) cũng đóng vai trò quan trọng trong hành trình chuẩn hóa của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp như Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam, Công ty CP Điện tử Tân Bình đã nhận được hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính để áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến như Lean, 5S, Kaizen từ đó giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Cần hệ sinh thái chuẩn hóa từ gốc

Dù đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhưng ngành điện tử Việt Nam vẫn đối mặt với thách thức lớn: tỷ lệ nội địa hóa thấp, phần lớn linh kiện và thiết bị vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp điện tử Việt Nam (VEIA), các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa mới chỉ cung cấp

được các sản phẩm đơn giản, có giá trị công nghệ thấp.

Để nâng cao năng suất ngành điện tử một cách bền vững, giới chuyên gia cho rằng Việt Nam cần phát triển hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ, đồng thời doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản lý và chuẩn hóa quy trình sản xuất bằng công nghệ hiện đại.

Xu hướng hiện nay là áp dụng phần mềm quản lý sản xuất tự động như ERP, giúp tối ưu hóa tồn kho, nâng cao năng suất và ra quyết định nhanh chóng. Các nền tảng tích hợp dữ liệu đo lường, quản trị và phân tích theo thời gian thực đang dần trở thành tiêu chuẩn mới trong các nhà máy điện tử thông minh./.

(Nguyễn Nam)

IEC 62841: TIÊU CHUẨN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO DỤNG CỤ LÀM VƯỜN TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Song hành với sự phát triển của công nghệ, các dụng cụ làm vườn ngày càng trở nên hiện đại và đa năng. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra những thách thức mới về an toàn. Bộ tiêu chuẩn IEC 62841 ra đời như một giải pháp toàn diện, đảm bảo người làm vườn có thể tận hưởng đam mê của mình một cách an tâm nhất.



Cùng với sự gia tăng về số lượng người làm vườn, công nghệ dành cho lĩnh vực này cũng có những bước tiến vượt bậc. Nếu như trước đây, người làm vườn chủ yếu sử dụng các

công cụ thô sơ như liềm và hái, thì ngày nay, họ có trong tay một loạt các thiết bị hiện đại, từ kéo cắt, cưa cho đến máy tỉa. Điểm đáng chú ý là các công cụ này không chỉ chạy bằng điện mà còn được cải tiến về trọng lượng, sức mạnh và tính đa năng. Thậm chí, nhiều thiết bị còn được tích hợp các tính năng thông minh và khả năng kết nối.

Chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp hình ảnh những khu vườn được trang bị máy cắt cỏ tự động có định vị GPS, máy thổi lá kết nối với điện thoại thông minh để theo dõi hiệu suất và tuổi thọ pin, hay thậm chí là những chiếc máy cắt tỉa được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI). Rõ ràng, công nghệ đã mang lại sự tiện lợi và hiệu quả đáng kể cho công việc làm vườn, giúp người làm vườn tiết kiệm thời gian và công sức.

Tuy nhiên, sự phức tạp của các thiết bị công nghệ cũng đồng nghĩa với việc có nhiều yếu tố cần được xem xét hơn về mặt an toàn. Một thiết bị làm vườn hiện đại với nhiều tính năng có thể tiềm ẩn những nguy cơ mà các

công cụ truyền thống không có. Việc đảm bảo rằng các thiết bị này hoạt động đúng cách và an toàn là vô cùng quan trọng để giảm thiểu nguy cơ tai nạn, bởi một sự cố nhỏ cũng có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề an toàn trong bối cảnh công nghệ làm vườn ngày càng phát triển, Tổ chức Tiêu chuẩn Hóa Quốc tế (IEC) đã ban hành một bộ tiêu chuẩn toàn diện dành riêng cho các thiết bị này. Bộ tiêu chuẩn IEC 62841, bao gồm nhiều phần, cung cấp các yêu cầu an toàn chi tiết cho tất cả các loại dụng cụ cầm tay chạy bằng động cơ điện, dụng cụ di động và máy móc làm vườn và chăm sóc bãi cỏ.

Bộ tiêu chuẩn này bao trùm nhiều khía cạnh quan trọng liên quan đến an toàn điện, cơ học và các nguy cơ tiềm ẩn khác. Cụ thể, IEC 62841 đề cập đến các yếu tố như đầu vào và dòng điện để đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định và tránh quá tải; khả năng chịu nhiệt và chống cháy để ngăn ngừa các sự cố do nhiệt độ cao; hệ thống dây điện bên trong để đảm bảo kết nối an toàn và tránh rò rỉ điện.

Ngoài ra, bộ tiêu chuẩn còn xem xét đến các nguy cơ tiềm ẩn khác như bức xạ và độc tố phát sinh từ thiết bị, cũng như các biện pháp để ngăn chặn truy cập trái phép và lỗi truyền tải đối với các thiết bị được kết nối với mạng công cộng. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh ngày càng có nhiều thiết bị làm vườn thông minh được tích hợp khả năng kết nối internet.

Bộ sản phẩm IEC 62841 bao gồm các tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại dụng cụ làm vườn khác nhau, từ những chiếc máy thổi cỏ nhỏ gọn đến các loại máy cắt cỏ mạnh mẽ, cùng với vô số các loại máy tỉa cây, máy cắt cành, kéo cắt và cưa điện. Sự chi tiết này đảm bảo rằng mỗi loại thiết bị đều được đánh giá và kiểm định theo các tiêu chuẩn an toàn phù hợp nhất.

Đặc biệt, phần đầu tiên của bộ tiêu chuẩn, bao gồm các yêu cầu chung áp dụng cho tất cả các loại thiết bị, vừa được cập nhật để đảm bảo phù hợp với những tiến bộ công nghệ mới nhất. Điều này cho thấy sự chủ động của IEC trong việc liên tục cải tiến và hoàn thiện các tiêu chuẩn an toàn, không bỏ sót bất kỳ vấn đề nào có thể gây nguy hiểm cho người làm vườn trong thời đại công nghệ.

Sự kết hợp giữa niềm đam mê làm vườn và sự tiến bộ của công nghệ đã mang lại những trải nghiệm thú vị và hiệu quả hơn cho người yêu thiên nhiên. Tuy nhiên, đi kèm với đó là trách nhiệm đảm bảo an toàn khi sử dụng các thiết bị hiện đại. Bộ tiêu chuẩn IEC 62841 đóng vai trò như một người bạn đồng hành đáng tin cậy, cung cấp những hướng dẫn và yêu cầu cần thiết để người làm vườn có thể tận hưởng trọn vẹn niềm vui của mình một cách an tâm và an toàn nhất. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này không chỉ bảo vệ người sử dụng mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng làm vườn văn minh và bền vững./.

(Thanh Thúy)

TRUNG QUỐC BAN HÀNH TIÊU CHUẨN QUỐC GIA CHO HỆ THỐNG CẢNH BÁO MỞ CỬA TRÊN Ô TÔ

Trong bối cảnh đô thị hóa và cơ giới hóa diễn ra với tốc độ chóng mặt, an toàn giao thông đã trở thành một ưu tiên hàng đầu tại Trung Quốc. Điển hình là việc ban hành tiêu chuẩn quốc gia cho hệ thống cảnh báo mở cửa (DOW) GB/T 44173-2024, một công nghệ tiên tiến sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm bảo vệ người tham gia giao thông.

Sự gia tăng không ngừng về lượng xe di chuyển mỗi ngày đã cho thấy Trung Quốc đang ở trong thời kỳ phát triển vượt bậc về kinh tế và đô thị. Tuy nhiên, mật độ giao thông cao, đặc biệt tại các đô thị lớn lại tiềm ẩn nhiều nguy cơ va chạm và tai nạn.

Tuy nhiên, theo thống kê, dù lượng phương tiện di chuyển ngày một đông, nhưng

số vụ tai nạn giao thông tại Trung Quốc đang có xu hướng giảm dần. Điều này là kết quả của một loạt các nỗ lực và biện pháp an toàn giao thông sáng tạo, được thiết kế để phù hợp với tình hình giao thông thực tế của đất nước. Trong số đó, việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến đóng vai trò then chốt.



Mới đây, Cục Tiêu chuẩn hóa Quốc gia Trung Quốc (SAC) đã chính thức ban hành tiêu chuẩn quốc gia GB/T 44173-2024 cho hệ thống cảnh báo mở cửa (Door Opening Warning - DOW). Đây là một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường an toàn giao thông, đặc biệt là bảo vệ những người tham gia giao thông dễ bị tổn thương như người đi bộ và người đi xe đạp. Công nghệ DOW hoạt động bằng cách cảnh báo người ngồi trong xe về nguy cơ va chạm tiềm ẩn khi họ mở cửa xe. Hệ thống này sử dụng các thuật toán trí tuệ nhân tạo (AI) tiên tiến, dựa trên dữ liệu thu thập từ hệ thống thị giác hoặc sự kết hợp của nhiều loại cảm biến khác nhau. Nhờ đó, hệ thống có thể phát hiện và cảnh báo về sự xuất hiện của các phương tiện hoặc người đi bộ đang di chuyển đến gần, giúp người mở cửa xe có thêm thời gian để quan sát và tránh gây ra tai nạn.

Sự ra đời của tiêu chuẩn GB/T 44173-2024 là kết quả của nhiều năm nghiên cứu và phát triển (R&D) nghiêm túc. Các nhà khoa học và kỹ sư Trung Quốc đã nỗ lực để tạo ra một hệ thống DOW không chỉ hiệu quả mà còn có độ

tin cậy cao, phù hợp với điều kiện giao thông phức tạp tại nước này.

Điều đáng chú ý là tiêu chuẩn DOW của Trung Quốc được xây dựng trên một nền tảng vững chắc, tích hợp các nguyên tắc của Tổ chức Tiêu chuẩn Hóa Quốc tế (ISO) trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ khâu nghiên cứu và phát triển đến sản xuất, thử nghiệm và dịch vụ sau bán hàng. Điều này bao gồm việc tuân thủ các tiêu chuẩn quan trọng như ISO 26262 về an toàn chức năng và ISO 9001 về quản lý chất lượng, cũng như các tiêu chuẩn hàng đầu của ISO về môi trường và tính bền vững.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn ISO không chỉ đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của hệ thống DOW mà còn thể hiện cam kết của Trung Quốc trong việc hội nhập với các thông lệ tốt nhất trên thế giới. Hơn nữa, sự chú trọng của ISO vào việc cải tiến liên tục cũng thúc đẩy sự phát triển không ngừng của các thuật toán AI và công nghệ cảm biến trong các hệ thống DOW, hứa hẹn những giải pháp an toàn giao thông ngày càng hiệu quả hơn trong tương lai.

Với những kinh nghiệm và thành tựu đạt được trong lĩnh vực công nghệ DOW, Trung Quốc đang dần khẳng định vai trò then chốt trong việc định hình các tiêu chuẩn an toàn đường bộ toàn cầu. Quốc gia này sẽ tích cực chia sẻ chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế của mình trong quá trình phát triển ISO 25354, tiêu chuẩn quốc tế mới dành cho hệ thống cảnh báo mở cửa. Những đóng góp này của Trung Quốc được kỳ vọng sẽ giúp xác định các thông lệ tốt nhất trên toàn thế giới, nâng cao an toàn cho xe cộ và thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong ngành công nghiệp ô tô.

Việc Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn quốc gia cho hệ thống cảnh báo mở cửa (DOW) là một minh chứng rõ ràng cho sự nỗ lực và quyết tâm của quốc gia này trong việc giải

quyết bài toán an toàn giao thông trong bối cảnh cơ giới hóa nhanh chóng. Bằng việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, Trung Quốc không chỉ nâng cao an toàn cho người dân của mình mà còn đóng góp vào việc xây dựng một hệ thống giao

thông an toàn hơn trên toàn cầu. Đây là một bước tiến đáng khích lệ, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của Trung Quốc trong việc định hình tương lai của ngành công nghiệp ô tô và an toàn giao thông thế giới./

(Nguyễn Nam)

IEC TIÊN PHONG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN DÀNH CHO VÙNG "LƯỚI ĐIỆN YẾU"

Đối với hàng triệu người dân ở vùng nông thôn và các khu vực kinh tế khó khăn trên thế giới, việc tiếp cận nguồn điện ổn định vẫn là một thách thức lớn. Ngay cả khi có kết nối lưới điện, tình trạng mất điện thường xuyên và điện áp không ổn định khiến các thiết bị làm lạnh thông thường trở nên vô dụng, gây ra những lo ngại về an toàn thực phẩm và chất lượng cuộc sống. Nhằm giải quyết vấn đề này, Ủy ban Kỹ thuật IEC TC 59 đã thành lập một nhóm làm việc đặc biệt để xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị làm lạnh hoạt động hiệu quả trong điều kiện "lưới điện yếu".



Khi lưới điện không đảm bảo cuộc sống

Tình trạng "lưới điện yếu" không chỉ đơn thuần là việc thiếu kết nối. Nó còn bao gồm các vấn đề như mất điện thường xuyên, sụt áp, hoặc thậm chí chỉ có điện trong một vài giờ mỗi ngày. Những điều kiện khắc nghiệt này khiến các tủ lạnh thông thường, vốn được thiết kế để hoạt động liên tục với nguồn điện ổn định, dễ dàng bị hư hỏng. Hậu quả nghiêm trọng hơn là

sự suy giảm chất lượng và nguy cơ nhiễm khuẩn thực phẩm do không được bảo quản đúng cách.

Các chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng và phát triển đã chỉ ra rằng, tình trạng "lưới điện yếu" là một rào cản lớn trong việc cải thiện đời sống và sức khỏe của người dân ở các khu vực này. Việc không có khả năng bảo quản thực phẩm an toàn không chỉ ảnh hưởng đến dinh dưỡng mà còn gia tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến thực phẩm.

Nhận thức rõ ràng về những thách thức mà người dân ở các khu vực "lưới điện yếu" đang phải đối mặt, Ủy ban Kỹ thuật IEC TC 59, một tổ chức chuyên soạn thảo các tiêu chuẩn hiệu suất cho thiết bị gia dụng, đã thành lập một nhóm làm việc mới trực thuộc tiểu ban IEC SC 59M, tập trung vào các thiết bị làm lạnh. Mục tiêu chính của nhóm là xây dựng một tiêu chuẩn quốc tế nhằm giải quyết những điều kiện đặc biệt ảnh hưởng đến hiệu suất và chất lượng của tủ lạnh được sử dụng ở những khu vực có nguồn cung cấp năng lượng hạn chế.

Tiêu chuẩn đang được xây dựng sẽ đưa ra các đặc điểm thiết yếu và thông số kỹ thuật về hiệu suất của các thiết bị làm lạnh, bao gồm cả loại không dùng lưới điện và loại được thiết kế để hoạt động hiệu quả trong điều kiện "lưới điện yếu". Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này bao gồm các thiết bị sử dụng trong gia đình hoặc thương mại nhỏ, được làm mát bằng đối lưu không khí tự nhiên hoặc cưỡng bức bên trong.

Một phần quan trọng của tiêu chuẩn mới là việc thiết lập các phương pháp thử nghiệm cụ thể. Các phương pháp này sẽ được sử dụng

để kiểm tra các yêu cầu về hiệu suất của thiết bị trong điều kiện nguồn điện không ổn định, cũng như đánh giá đặc điểm tiêu thụ năng lượng của chúng. Điều này sẽ giúp người tiêu dùng và các nhà sản xuất có cơ sở để đánh giá và lựa chọn các sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tế.

Theo ông Patrick Beks, Trưởng nhóm xây dựng tiêu chuẩn này cho biết, một trong những thách thức lớn nhất trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn là việc đưa ra một định nghĩa rõ ràng và thống nhất cho khái niệm "lưới điện yếu". Sự khác biệt về mức độ ổn định của lưới điện giữa các quốc gia và khu vực khác nhau đòi hỏi một cách tiếp cận linh hoạt.

Để giải quyết thách thức này, nhóm làm việc đã quyết định chỉ định các lớp "lưới điện yếu" khác nhau, thay đổi tùy theo đặc điểm cụ thể của từng vị trí. Ông Beks nhấn mạnh: "Đây là một khái niệm mới trong tiêu chuẩn hóa hiệu suất của IEC, vì nó tính đến các tình huống thực tế ở các nước đang phát triển, nơi lưới điện không phải lúc nào cũng đáp ứng được kỳ vọng của mọi người."

Việc phân loại "lưới điện yếu" thành các cấp độ khác nhau sẽ cho phép tiêu chuẩn đưa ra các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm phù hợp với từng tình huống cụ thể. Điều này đảm bảo rằng các thiết bị làm lạnh được thiết kế

theo tiêu chuẩn mới sẽ thực sự hoạt động hiệu quả và bền bỉ trong điều kiện nguồn điện không ổn định.

Thúc đẩy phát triển bền vững tại các khu vực "lưới điện yếu"

Sáng kiến của IEC TC 59 không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật mà còn thể hiện một tầm nhìn nhân văn sâu sắc. Việc xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị làm lạnh phù hợp với điều kiện "lưới điện yếu" sẽ góp phần cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của hàng triệu người dân trên thế giới. Khả năng bảo quản thực phẩm an toàn hơn sẽ giúp giảm thiểu lãng phí, cải thiện dinh dưỡng và giảm nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến thực phẩm.

Việc IEC TC 59 tiên phong xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị làm lạnh hoạt động trong điều kiện "lưới điện yếu" là một bước tiến quan trọng và đầy ý nghĩa. Tiêu chuẩn này không chỉ giải quyết một vấn đề thiết thực đang ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều cộng đồng dân cư trên toàn thế giới mà còn thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề xã hội và phát triển bền vững. Với cách tiếp cận linh hoạt và sự hợp tác của các chuyên gia, tiêu chuẩn mới này hứa hẹn sẽ mang lại những giải pháp làm lạnh hiệu quả và bền bỉ cho những khu vực có nguồn cung cấp năng lượng còn nhiều hạn chế./.

(Tiến Đông)

ĐÁNH GIÁ HIỆU SUẤT PIN THIẾT BỊ VỆ SINH MỘT CÁCH THỰC TẾ VÀ TOÀN DIỆN

Nhằm giải quyết các vấn đề về hiệu suất pin trong các thiết bị gia dụng, vệ sinh trong nhà, ASTM International đã xây dựng tiêu chuẩn WK89119 để giải quyết các vấn đề trên, mang lại sự an tâm cho người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn WK89119: Bước đột phá trong thử nghiệm hiệu suất pin

Sự tiện lợi và linh hoạt của các thiết bị vệ sinh chạy bằng pin đã đưa chúng trở thành lựa chọn ưu tiên của nhiều gia đình hiện đại. Không

còn sự cản trở từ các loại dây điện, người dùng có thể dễ dàng di chuyển và làm sạch mọi góc ngách trong ngôi nhà. Tuy nhiên, một trong những mối quan tâm hàng đầu của người tiêu dùng khi lựa chọn các sản phẩm này chính là hiệu suất pin. Thời gian chạy ngắn, thời gian sạc lâu hoặc tuổi thọ pin không như mong đợi có thể gây ra những trải nghiệm không tốt và làm giảm giá trị của sản phẩm.

Thực tế cho thấy, các phương pháp thử nghiệm pin truyền thống thường được thực



hiện trong điều kiện lý tưởng, có thể không phản ánh chính xác hiệu suất của pin khi được sử dụng trong thiết bị thực tế. Điều này dẫn đến sự khác biệt giữa thông số kỹ thuật do nhà sản xuất cung cấp và trải nghiệm thực tế của người dùng, gây ra sự thất vọng và thiếu tin tưởng vào sản phẩm.

Nhằm giải quyết vấn đề này, Ủy ban Máy hút bụi của ASTM (F11) đã chủ động phát triển tiêu chuẩn WK89119 - một thông số kỹ thuật tiêu chuẩn cho các thiết bị vệ sinh chạy bằng pin. Điểm đặc biệt của tiêu chuẩn này là nó tập trung vào việc thử nghiệm pin bên trong chính thiết bị, mô phỏng các điều kiện sử dụng thực tế một cách tối đa.

Theo ông Diethard Becker, thành viên của ASTM International, phương pháp thử nghiệm này là độc nhất vô nhị, mang lại kết quả thực tế cao hơn so với các phương pháp truyền thống. Thay vì chỉ đánh giá hiệu suất của pin một cách độc lập, tiêu chuẩn WK89119 xem xét đến sự tương tác giữa pin và các thành phần khác của thiết bị trong quá trình hoạt động. Điều này bao gồm việc đo lường hiệu suất pin khi thiết bị thực hiện các tác vụ làm sạch khác nhau, ở các chế độ hoạt động khác nhau (ví dụ: chế độ tiết kiệm năng lượng, chế độ mạnh mẽ) và trong các điều kiện tải khác nhau.

Đánh giá toàn diện các khía cạnh quan trọng của hiệu suất pin

Tiêu chuẩn WK89119 không chỉ đơn thuần đo lường thời gian chạy của thiết bị. Nó

còn cung cấp các phương pháp thử nghiệm chính xác và đáng tin cậy cho nhiều khía cạnh quan trọng khác của hiệu suất pin, bao gồm:

Thời gian chạy (Run time): Đo lường khoảng thời gian thiết bị có thể hoạt động liên tục sau một lần sạc đầy, trong các điều kiện sử dụng khác nhau.

Thời gian sạc (Charging time): Xác định khoảng thời gian cần thiết để sạc đầy pin từ trạng thái cạn kiệt.

Tuổi thọ pin (Battery lifespan): Đánh giá số lượng chu kỳ sạc/xả mà pin có thể chịu được trước khi hiệu suất giảm đáng kể. Điều này thường được đo bằng số lần sạc đầy mà pin vẫn duy trì được một tỷ lệ phần trăm nhất định dung lượng ban đầu (ví dụ: 80%). Các tiêu chuẩn quốc tế như IEC 61960-3 cung cấp các phương pháp thử nghiệm cụ thể cho tuổi thọ pin lithium-ion, loại pin phổ biến trong các thiết bị hiện đại.

Mức sử dụng năng lượng (Energy consumption): Đo lường lượng điện năng tiêu thụ của thiết bị trong quá trình hoạt động và ở chế độ chờ (standby mode). Tiêu chuẩn này giúp người tiêu dùng hiểu rõ hơn về hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm và tác động của nó đến hóa đơn tiền điện.

Việc áp dụng tiêu chuẩn WK89119 mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả nhà sản xuất và người tiêu dùng. Đối với nhà sản xuất, tiêu chuẩn này cung cấp một khung tham chiếu rõ ràng và nhất quán để đánh giá và cải thiện hiệu suất pin của sản phẩm. Bằng cách tuân thủ các hướng dẫn này, họ có thể tạo ra các thiết bị chạy bằng pin đáng tin cậy, bền bỉ và hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Đối với người tiêu dùng, tiêu chuẩn WK89119 mang đến sự minh bạch và tin cậy trong việc lựa chọn sản phẩm. Họ có thể dựa

vào các kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn này để đưa ra quyết định mua hàng sáng suốt, tránh những "bất ngờ" về hiệu suất pin sau khi mua sản phẩm. Điều này đồng nghĩa với việc người tiêu dùng sẽ được trải nghiệm hiệu suất tốt hơn, không còn lo lắng về việc thiết bị hết pin đột ngột và có thể tin tưởng hơn vào tuổi

thọ của pin.

Tiêu chuẩn WK89119 còn hỗ trợ Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là Mục tiêu số 7 về Năng lượng sạch và giá cả phải chăng và Mục tiêu số 12 về Tiêu dùng và Sản xuất có trách nhiệm./.

(Tiến Đông)

TIÊU CHUẨN PHẢI LÀ PHƯƠNG TIỆN DẪN ĐƯỜNG DOANH NGHIỆP

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng khẳng định, tiêu chuẩn phải là phương tiện dẫn dắt, kéo doanh nghiệp, dẫn đường doanh nghiệp, dẫn đường quốc gia.

năng lực cạnh tranh, tạo uy tín cho họ thay vì là chi phí tuân thủ.

Cụ thể, tiêu chuẩn phải là phương tiện dẫn dắt, kéo doanh nghiệp, dẫn đường doanh nghiệp, dẫn đường quốc gia. Tiêu chuẩn không chỉ là khuôn khổ kỹ thuật, mà phải đóng vai trò định hướng phát triển công nghệ, sản phẩm, thị trường. Quốc gia muốn tới đâu thì dùng tiêu chuẩn để dẫn quốc gia tới đó. Quy chuẩn là sàn, cần dựa trên thực tiễn Việt Nam để ban hành. Tiêu chuẩn là đỉnh, là cái phải tiến tới, cần dựa vào tiêu chuẩn quốc tế để ban hành. Quản lý lĩnh vực này phải vừa nhìn gần vừa phải nhìn xa.



Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hóa, hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của nước ta đã ngày càng phát triển với khoảng trên 14.000 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và 800 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), làm chuẩn mực quan trọng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý.

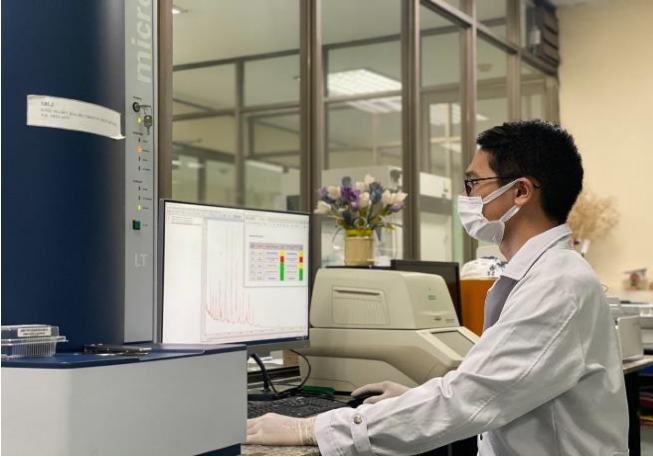
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng nhận định, tiêu chuẩn đo lường chất lượng phải làm cho các tổ chức, doanh nghiệp thấy đây là đòn bẩy nâng cao

Đối với trụ cột đo lường, Bộ trưởng cho rằng, phải xây dựng được văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu, đo để ra quyết định, để cải tiến, để ra quyết định đúng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ của mình, không phải cho nhà nước, không phải chi phí tuân thủ, mà giống như hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Thử nghiệm viên tiến hành thao tác phân tích mẫu trên thiết bị MALDI BIOTYPER để định danh vi sinh vật sử dụng Công nghệ khối phổ MALDI TOF.

Xây dựng hệ sinh thái đo lường đáng tin cậy, dễ dàng tiếp cận, phục vụ mọi cấp ra quyết định, từ người dân, doanh nghiệp tới nhà nước, trong đó nhà nước phải là đầu tiên. Quy định mọi chính sách công đều phải có chỉ số đầu ra và công cụ đo lường. Hỗ trợ doanh nghiệp Việt

Nam tiếp cận dễ dàng với dịch vụ đo lường -



thử nghiệm - đánh giá đạt chuẩn quốc tế, với chi phí hợp lý.

Chất lượng bao gồm đánh giá và thực thi

quản lý chất lượng. Chất lượng là uy tín, danh dự và tự hào, là yếu tố cạnh tranh số 1, là sinh tồn của doanh nghiệp, là sự phát triển bền vững, là bảo vệ người tiêu dùng, cân bằng giữa tự nguyện và bắt buộc, xây dựng chất lượng phải từ khâu đầu tiên hình thành ra sản phẩm.

Giới chuyên gia đánh giá, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã và đang góp phần tích cực nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa Việt Nam; bảo đảm an toàn cho con người và môi trường; góp phần tăng cường xuất khẩu và thuận lợi hóa giao dịch thương mại của Việt Nam trên trường quốc tế;... Từ đó, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

(Minh Trang)

CHỦ ĐỘNG ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN GIÚP DOANH NGHIỆP VƯỢT QUA HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Giới chuyên gia cho rằng, để vượt qua hàng rào kỹ thuật TBT, các doanh nghiệp cần chủ động quan tâm, nâng cao nhận thức và hiểu biết các vấn đề về TBT. Đồng thời, cần am hiểu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các quy định liên quan khác đối với hàng hóa của mình tại thị trường xuất khẩu.



Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) nhằm hội nhập kinh tế toàn cầu. Tính đến năm 2025, Việt Nam đã ký kết và thực thi nhiều FTA quan trọng, tạo điều kiện cho doanh

nh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới và hàng hoá của Việt Nam ngày càng có vị thế trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa nắm rõ việc thực thi cam kết trong các hiệp định mà Việt Nam ký với các nước khác cũng như hàng rào kỹ thuật thương mại đối với sản phẩm hàng hoá xuất khẩu.

Trong đó, hàng rào kỹ thuật trong thương mại là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu.

Nói cách khác, đó là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó (còn gọi là các biện pháp kỹ thuật – biện pháp TBT).

Các biện pháp kỹ thuật này về nguyên tắc là cần thiết và hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích quan trọng như sức khoẻ con người, môi trường, an ninh... Vì vậy, mỗi nước thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đều thiết lập và duy trì hệ thống các biện pháp kỹ

thuật riêng đối với hàng hoá của mình và hàng hoá nhập khẩu.

Giới chuyên gia cho rằng, để vượt qua hàng rào kỹ thuật TBT, các doanh nghiệp cần chủ động quan tâm, nâng cao nhận thức và hiểu biết các vấn đề về TBT; nhận biết được hàng rào kỹ thuật của thị trường xuất khẩu mà doanh nghiệp dự định xuất khẩu.

Mặt khác, doanh nghiệp cần am hiểu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các quy định liên quan khác đối với hàng hóa của mình tại thị trường xuất khẩu. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, như: tìm kiếm, thu thập các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan; nghiên cứu tìm hiểu nội dung các tiêu chuẩn; theo dõi quá trình xây dựng, công bố, soát xét tiêu chuẩn các cấp; các

thông báo TBT của tất cả các nước thành viên WTO trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cũng cần tích cực tham gia hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương có liên quan. Đây là biện pháp hữu ích để bảo vệ quyền lợi của chính doanh nghiệp. Bởi khi tham gia vào quá trình xây dựng một tiêu chuẩn bất kỳ, ngoài việc nắm được nội dung tiêu chuẩn, học hỏi được kinh nghiệm của các bên có liên quan, thì các lợi ích chính đáng của doanh nghiệp cũng được quan tâm chú ý tới, điều đó làm cho doanh nghiệp dễ dàng áp dụng và áp dụng có hiệu quả tiêu chuẩn đó hơn./.

(Minh Trang)

MẠNH DẠN ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN VIETGAP MANG LẠI HIỆU QUẢ RÕ RỆT CHO CÁC DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

Việc áp dụng VietGAP thay đổi nhận thức và hành vi sản xuất của người lao động và doanh nghiệp. Từ tư duy lấy sản lượng làm trọng, người sản xuất chuyển sang lấy chất lượng và an toàn làm đầu. Quy trình sản xuất bài bản giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt dịch bệnh, giảm chi phí rủi ro, đồng thời dễ dàng truy xuất nguồn gốc khi xảy ra sự cố,...



Trong bối cảnh ngành nông nghiệp Việt Nam đang từng bước chuyển mình theo hướng hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế, việc áp

dụng các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến đang trở thành xu hướng tất yếu.

Một trong những tiêu chuẩn nổi bật mang tính định hướng cho sản xuất nông nghiệp an toàn và hiệu quả chính là VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices - Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam). Tiêu chuẩn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Tại nhiều địa phương, các doanh nghiệp và hợp tác xã khi mạnh dạn áp dụng VietGAP đã ghi nhận sự thay đổi rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Ví dụ như Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Hòa Bình (Hà Nội), nhờ việc thay đổi và định hướng tư duy trồng rau theo hướng VietGAP, sản phẩm rau an toàn của đơn vị được mở rộng diện tích và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Đại diện hợp tác xã này cho biết, hiện tại hợp tác xã đang sản xuất các loại rau, củ, quả: rau ngót, rau cải, rau dền, cà chua, bầu, bí,

mướp, dưa chuột... cung cấp cho thị trường trên 600 tấn rau, củ, quả mỗi năm, với doanh thu gần 4 tỷ đồng/năm. Đơn vị đã thu hút 500 thành viên tham gia, với tổng diện tích sản xuất 53,8 ha, trong đó có 11,7 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Hay tại Hợp tác xã Ba Chũ (Hà Nội), đây cũng là đơn vị có nhiều sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP. Các sản phẩm đều được dán mã QR, tem, logo của hợp tác xã để người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đúng tiêu chí “an toàn từ ruộng, truy xuất tới hộ”. Từ đó, Hợp tác xã có thể cạnh tranh giá trị sản phẩm trên thị trường và tăng doanh thu, thu nhập, đời sống của các thành viên được cải thiện đáng kể.

Các chuyên gia đánh giá, việc áp dụng VietGAP thay đổi nhận thức và hành vi sản xuất của người lao động và doanh nghiệp. Từ tư duy lấy sản lượng làm trọng, người sản xuất chuyển sang lấy chất lượng và an toàn làm đầu. Quy trình sản xuất bài bản giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt dịch bệnh, giảm chi phí rủi ro, đồng thời dễ dàng truy xuất nguồn gốc khi xảy ra sự cố – điều kiện bắt buộc khi tiếp cận các thị trường xuất khẩu khó tính như Nhật Bản, EU hay Hàn Quốc;... Mặt khác, VietGAP còn giúp nâng cao hình ảnh thương hiệu doanh nghiệp, thúc đẩy trách nhiệm xã hội và tạo ra môi trường sản xuất xanh – sạch – an toàn./

(Tiến Đông)

CHUẨN HÓA ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH VỚI TCVN 14397:2025

Ngày 29/4/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ chính thức ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14397:2025 “Hướng dẫn đánh giá kết quả đầu ra của chính sách”. Tiêu chuẩn mới này đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy quản lý công, hướng tới một nền hành chính hiện đại, minh bạch và dựa trên kết quả.



Trong bối cảnh yêu cầu cải cách thể chế, nâng cao chất lượng chính sách và tăng cường trách nhiệm giải trình ngày càng cấp thiết, việc ban hành TCVN 14397:2025 được giới chuyên gia đánh giá là bước đi kịp thời và chiến lược. Tiêu chuẩn này thiết lập phương pháp tiếp cận thống nhất, khoa học và thực tiễn trong toàn bộ

chu trình chính sách – từ xây dựng, thực thi đến giám sát và điều chỉnh.

Quản lý theo kết quả: Từ tư duy đến hành động

Một trong những điểm đột phá của TCVN 14397:2025 là thay đổi cách tiếp cận trong quản lý nhà nước, từ quản lý theo đầu vào sang quản lý theo kết quả. Điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan hành chính không chỉ chú trọng vào ban hành chính sách, mà còn phải chứng minh hiệu quả thực thi bằng các kết quả đầu ra cụ thể, đo lường được.

Tiêu chuẩn cũng đề cao vai trò của các bên liên quan – người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc tham gia vào chu trình chính sách. Đây là yếu tố then chốt để nâng cao tính minh bạch, tạo sự đồng thuận xã hội và đảm bảo tính khả thi trong triển khai chính sách.

Khung đánh giá toàn diện cho chính sách công

TCVN 14397:2025 mô tả chu trình chính sách công theo bốn giai đoạn: xây dựng, phê duyệt, thực thi và đánh giá chính sách.

Đáng chú ý, mỗi giai đoạn đều được hỗ trợ bằng hệ thống tiêu chí đánh giá rõ ràng,

gồm 9 nhóm tiêu chí chính và hàng trăm chỉ số thành phần. Các chỉ số này không chỉ giúp định lượng hiệu quả thực hiện mà còn hỗ trợ điều chỉnh chính sách kịp thời khi phát sinh bất cập.

Theo đại diện Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, hệ thống tiêu chí được xây dựng dựa trên các thông lệ quốc tế, đồng thời được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam, hướng đến một công cụ đánh giá linh hoạt nhưng đủ chặt chẽ, vừa giúp cơ quan quản lý kiểm chứng kết quả, vừa phục vụ công tác hoạch định chính sách trong tương lai.

Để tăng tính ứng dụng, TCVN 14397:2025 đi kèm hai phụ lục chi tiết: Phụ lục A liệt kê 45 chỉ số đầu ra chính, hơn 210 chỉ số thành phần

và gần 500 kết quả đầu ra cụ thể, được mô tả kèm theo công cụ đo lường. Phụ lục B cung cấp các ví dụ minh họa về cách lựa chọn và áp dụng tiêu chí trong các giai đoạn khác nhau của chu trình chính sách, giúp các đơn vị dễ dàng triển khai trong thực tế.

Việc chuẩn hóa quy trình đánh giá kết quả đầu ra của chính sách công không chỉ giúp nâng cao hiệu quả chính sách, mà còn tạo ra áp lực tích cực thúc đẩy các cơ quan hành chính đổi mới tư duy và phương thức hoạt động. TCVN 14397:2025 được kỳ vọng sẽ góp phần hình thành một nền quản trị nhà nước hiện đại, hiệu quả và vì người dân./.

(Nguyễn Nhung)

ISO/IEC 42001:2023 – HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ AI HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng thâm nhập sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống và sản xuất, việc quản lý và sử dụng AI một cách có trách nhiệm trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp. Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 42001:2023 ra đời nhằm cung cấp một khung pháp lý và hướng dẫn toàn diện cho việc triển khai và vận hành hệ thống quản lý AI một cách hiệu quả và bền vững.



ISO/IEC 42001:2023 – Khung quản lý toàn diện cho AI

ISO/IEC 42001:2023 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý đầu tiên trên thế giới dành riêng

cho AI, áp dụng cho mọi loại hình tổ chức, bất kể quy mô hay lĩnh vực hoạt động.

Tiêu chuẩn này được cấu trúc thành 10 điều khoản chính và 4 phụ lục, bao gồm các nội dung như: xác định phạm vi áp dụng, thuật ngữ và định nghĩa, bối cảnh tổ chức, vai trò lãnh đạo, hoạch định, hỗ trợ, vận hành, đánh giá hiệu suất và cải tiến. Các phụ lục cung cấp hướng dẫn chi tiết về kiểm soát rủi ro, mục tiêu tổ chức và tích hợp với các tiêu chuẩn quản lý khác như ISO 9001, ISO/IEC 27001.

Lợi ích khi áp dụng ISO/IEC 42001:2023

Đảm bảo AI hoạt động có trách nhiệm và minh bạch: Tiêu chuẩn yêu cầu các tổ chức minh bạch hóa quá trình ra quyết định của AI, đảm bảo không có sự thiên vị hay sai lệch, từ đó bảo vệ uy tín và trách nhiệm xã hội của tổ chức.

Tích hợp AI vào hệ thống quản lý doanh nghiệp: ISO/IEC 42001:2023 tương thích với các tiêu chuẩn quản lý khác như ISO 9001 (chất lượng), ISO 27001 (an toàn thông tin), giúp doanh nghiệp dễ dàng tích hợp AI vào các quy trình hiện tại mà không làm gián đoạn hoạt động cốt lõi.

Tuân thủ quy định và trách nhiệm pháp lý: Với sự xuất hiện của các quy định như Đạo luật AI của EU và các quy định về bảo vệ quyền

riêng tư, tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp lý, giảm thiểu nguy cơ vi phạm và bảo vệ danh tiếng thương hiệu.

Quản lý rủi ro AI: Tiêu chuẩn hỗ trợ các tổ chức xác định và giảm thiểu rủi ro liên quan đến AI, từ các vấn đề an ninh mạng đến các mối đe dọa về đạo đức, đảm bảo hệ thống AI được triển khai an toàn và không gây hại cho tổ chức và xã hội.

Quy trình chứng nhận ISO/IEC 42001:2023

Để đạt chứng nhận ISO/IEC 42001:2023, tổ chức cần thiết lập một hệ thống quản lý AI theo tiêu chuẩn và hoạt động hiệu quả trong ít nhất ba tháng, đồng thời hoàn thành đánh giá nội bộ và đánh giá quản lý. Sau đó, tổ chức nộp

đơn xin chứng nhận, cung cấp các bằng chứng về tính hợp pháp và thông tin về hoạt động của hệ thống quản lý.

Quá trình đánh giá chứng nhận gồm hai giai đoạn: xem xét tài liệu và đánh giá tại chỗ.

Việc áp dụng ISO/IEC 42001:2023 không chỉ giúp doanh nghiệp quản lý và sử dụng AI một cách có trách nhiệm và hiệu quả, mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu pháp lý và xây dựng niềm tin với khách hàng, đối tác. Trong kỷ nguyên số, tiêu chuẩn này chính là "chìa khóa" giúp doanh nghiệp mở ra cánh cửa phát triển bền vững và an toàn trong việc ứng dụng AI./.

(Nguyễn Nhung)

QUẢN LÝ CẤU HÌNH CHO TỔ CHỨC THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) ngày càng trở nên phức tạp và đóng vai trò trọng yếu. Việc kiểm soát và duy trì tính ổn định, an toàn cho các thành phần trong hệ thống là nhiệm vụ bắt buộc.



Một trong những giải pháp chiến lược giúp đạt được mục tiêu này chính là triển khai hiệu quả công tác quản lý cấu hình

(Configuration Management) theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Quản lý cấu hình là quá trình xác định, giám sát và kiểm soát các thành phần cấu hình trong hệ thống CNTT, bao gồm phần cứng, phần mềm, dịch vụ và mạng. Mục tiêu chính là đảm bảo tất cả yếu tố này vận hành đúng thiết lập, tuân thủ yêu cầu về bảo mật và chất lượng, đồng thời ngăn ngừa các thay đổi trái phép hoặc không kiểm soát được. Theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27002, đây là một trong những biện pháp quan trọng giúp bảo vệ tính toàn vẹn, bảo mật và khả năng phục hồi của hệ thống thông tin.

Đối với lĩnh vực phát triển phần mềm, quản lý cấu hình không chỉ dừng lại ở hạ tầng CNTT mà còn đặc biệt quan trọng trong kiểm soát phiên bản mã nguồn và theo dõi vấn đề. Nhờ công cụ quản lý phiên bản, mọi thay đổi đối với phần mềm được ghi nhận chính xác, giúp các nhóm phát triển có thể làm việc song song mà không gây xung đột mã.

Song song đó, việc giám sát các lỗi, cải tiến hay yêu cầu mới trong quá trình phát triển thông qua hệ thống quản lý vấn đề giúp quá trình triển khai được kiểm soát và minh bạch.

Việc triển khai quản lý cấu hình cần tuân theo năm trụ cột chính:

Lập kế hoạch: Xác định các mục cần quản lý cấu hình và lập quy trình kiểm soát các thay đổi, nhằm đảm bảo tính minh bạch và kiểm soát xuyên suốt vòng đời dự án.

Nhận dạng: Ghi lại chi tiết các thông tin cấu hình của hệ thống, phần mềm và thiết bị mạng để dễ dàng quản lý, bảo trì hoặc khôi phục khi cần.

Kiểm soát: Thiết lập các “đường cơ sở cấu hình” – tập hợp các cấu hình được phê duyệt – giúp theo dõi các thay đổi và phục hồi hệ thống khi xảy ra sự cố.

Kế toán trạng thái: Theo dõi và ghi lại mọi thay đổi trong suốt quá trình quản lý để đảm bảo tất cả dữ liệu luôn được cập nhật, tránh sai lệch.

Kiểm toán: Định kỳ đánh giá và xác minh

tính phù hợp giữa hệ thống thực tế và các cấu hình đã thiết lập, đảm bảo tuân thủ các chính sách nội bộ và tiêu chuẩn bên ngoài.

Để triển khai quản lý cấu hình một cách bài bản và hiệu quả, tổ chức có thể tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế như: ISO/IEC 27001 và 27002: Hướng dẫn chi tiết về quản lý bảo mật thông tin, bao gồm quản lý cấu hình như một phần trong hệ thống kiểm soát an ninh tổng thể.

ISO 10007: Tập trung vào quản lý cấu hình trong quản lý chất lượng, đặc biệt phù hợp cho các tổ chức sản xuất và công nghiệp.

ISO/IEC/IEEE 15288: Cung cấp phương pháp tiếp cận quản lý cấu hình trong toàn bộ vòng đời hệ thống, từ thiết kế đến vận hành và ngừng sử dụng.

Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này không chỉ đảm bảo hệ thống CNTT vận hành an toàn, hiệu quả mà còn giúp tổ chức đáp ứng yêu cầu pháp lý, tăng cường uy tín với khách hàng và đối tác./.

(Minh Trang)

TIÊU CHUẨN SCAN – NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuỗi cung ứng ngày càng mở rộng, việc đảm bảo an ninh, minh bạch, hiệu quả trong vận

hành là thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu đó, tiêu chuẩn SCAN (Supplier Compliance Audit Network)



đã ra đời như một giải pháp đánh giá toàn diện năng lực tuân thủ của các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

SCAN –

viết tắt của Supplier Compliance Audit Network – là mạng lưới đánh giá sự tuân thủ của nhà cung cấp, được phát triển bởi các tập đoàn thương mại quốc tế nhằm xây dựng một hệ thống chuẩn hóa trong kiểm tra và giám sát an ninh chuỗi cung ứng. Đây là tiêu chuẩn mang tính tự nguyện, tuy nhiên ngày càng được các doanh nghiệp lớn yêu cầu áp dụng để đáp ứng các tiêu chí khắt khe trong thương mại quốc tế.

Tiêu chuẩn SCAN được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực và đối tượng khác nhau trong chuỗi cung ứng, bao gồm: Nhà cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện; Doanh nghiệp sản xuất, gia công; Đơn vị vận tải (đường bộ, đường biển, đường hàng không); Công ty xuất nhập khẩu, đại lý hải quan, đơn vị gom hàng; Các nhà thầu, doanh nghiệp hợp tác tham gia vào quy trình giao – nhận.

Với tính ứng dụng rộng rãi, SCAN không chỉ phục vụ cho các doanh nghiệp xuất khẩu, mà còn là công cụ hiệu quả cho các đơn vị sản xuất trong nước muốn nâng cao năng lực quản lý và chuẩn hóa quy trình vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế.

SCAN tập trung vào việc kiểm soát các rủi ro liên quan đến an ninh và tuân thủ trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Một số nội dung đánh giá chính bao gồm:

An ninh vật lý: Kiểm soát việc ra vào kho hàng, giám sát container và phương tiện vận chuyển; đảm bảo hệ thống an ninh như hàng rào, camera, bảo vệ, báo động hoạt động hiệu quả.

Bảo mật thông tin: Thiết lập các lớp bảo vệ dữ liệu, mạng máy tính, mật khẩu truy cập và chống xâm nhập.

Bảo mật vận tải: Theo dõi container, xe tải qua hệ thống GPS; phê duyệt và giám sát tuyến đường vận chuyển; đảm bảo an toàn trong quá trình giao – nhận.

Kiểm tra nhân sự và đối tác: Xác minh lịch nhân viên, kiểm soát ra vào, đào tạo nhận thức về an ninh, đặc biệt là phòng ngừa khủng bố, hàng lậu và buôn người.

Tuân thủ pháp lý và báo cáo: Duy trì tài liệu pháp lý, chứng nhận an ninh chuỗi cung ứng, quy trình xử lý hàng hóa minh bạch.

Khi áp dụng tiêu chuẩn này sẽ mang lại nhiều lợi ích. Đối với doanh nghiệp thành viên SCAN: Giảm chi phí và thời gian đánh giá lặp lại tại nhiều nhà cung cấp; Tăng hiệu quả vận hành và phối hợp giữa các bộ phận kiểm toán nội bộ; Xây dựng kế hoạch hành động khắc phục có hệ thống; Tự động hóa báo cáo và truy xuất nguồn gốc thông tin hiệu quả.

Đối với nhà cung cấp: Tăng cơ hội hợp tác với các tập đoàn toàn cầu yêu cầu SCAN như điều kiện bắt buộc; Giảm tần suất kiểm tra, tiết kiệm chi phí vận hành và quản lý; Tăng độ tin cậy, cải thiện an ninh chuỗi cung ứng; Được miễn trừ kiểm tra phân tầng tại cửa khẩu, giảm thời gian chờ và chi phí giao nhận; Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế./

(Nguyễn Nhung)

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT: TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Tiếp tục Phiên họp thứ 46, sáng ngày 3/6, dưới sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Tại Phiên họp này, các đại biểu đã lắng nghe nhiều ý kiến góp ý, trong đó Trưởng Ban Công tác đại biểu Nguyễn Thanh Hải đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu bổ sung thêm những quy định về phân công trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các bên liên quan trong vấn đề đảm bảo chất lượng



Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày càng thể hiện vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Giải trình, thông

hàng hóa, tăng cường khâu hậu kiểm, cải tiến đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình thi hành luật.

Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Thanh cho rằng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được đưa ra thảo luận đúng thời điểm trong nước đang phát sinh nhiều vụ việc liên quan đến chất lượng quản lý hàng hóa, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều bộ ban ngành. Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Thanh yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội chỉnh lý, bổ sung để sửa luật phải đáp ứng hai yêu cầu, vừa tăng cường khả năng quản lý nhà nước, vừa tạo động lực mới cho doanh nghiệp dùng sức mạnh của tiêu chuẩn đo lường chất lượng, biến thành năng lực đổi mới sáng tạo.

Phát biểu tại phiên họp, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho biết Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần ban hành và sớm có hiệu lực nhằm thể hiện quyết tâm chính trị của

tin thêm với các thành viên UBTVQH về nội dung này, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy cho biết sẽ tiếp thu đầy đủ các ý kiến, rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật để Luật sớm ban hành trong thời gian sớm nhất, đảm bảo chất lượng hàng hóa vì sức khỏe người dân, tạo động lực mới cho đất nước hội nhập quốc tế.

Kết luận nội dung họp, thay mặt UBTVQH, Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan đánh giá cao sự nỗ lực, khẩn trương của Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tiếp thu đầy đủ, giải trình thấu đáo ý kiến của các đại biểu Quốc hội để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan nhấn mạnh, các nội dung được xem xét sửa đổi, bổ sung không chỉ khắc phục tồn tại, bất cập trong Luật hiện hành; quan trọng hơn, thể hiện tầm nhìn, chiến lược của Việt Nam trong sân chơi quốc tế, khu vực./.

(*Hồng Vân*)

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 05/2025

❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA	Nhật ký khai thác thủy sản điện tử. Mã hóa và kết nối dữ liệu	dữ liệu cho các dịch vụ IoT.
TCVN 10616:2025	Số trang:22	Phần 1: Các yêu cầu chung và kiến trúc
Đồ trang sức và kim loại quý. Độ tinh khiết của hợp kim loại quý	TCVN 14217:2025	Số trang:32
Số trang:7	Vật liệu cách nhiệt. Bông khoáng cách nhiệt dạng tấm và dạng khối	TCVN 14303:2025
Thay thế:TCVN 10616:2014	Số trang:12	Hạt tiêu (PIPER NIGRUM L.)
TCVN 10623:2025	TCVN 14218:2025	Số trang:13
Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định platin trong hợp kim platin – Phương pháp ICP-OES sử dụng nguyên tố nội chuẩn	Vật liệu cách nhiệt. Bông khoáng cách nhiệt dạng cuộn và dạng cuộn ống (Phủ lưới kim loại, loại công nghiệp)	Thay thế:TCVN 7036:2008, TCVN 7037:2002, TCVN 11454:2016
Số trang:10	Số trang:12	TCVN 14304:2025
Thay thế:TCVN 10623:2014	TCVN 14219:2025	Xoài sấy dẻo
TCVN 10624:2025	Vật liệu cách nhiệt. Phương pháp xác định độ thẩm hơi nước của bông khoáng cách nhiệt	Số trang:11
Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định paladi trong hợp kim paladi – Phương pháp ICP-OES sử dụng nguyên tố nội chuẩn	Số trang:11	TCVN 14320:2025
Số trang:10	TCVN 14220:2025	Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định bạc độ tinh khiết cao – Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES
Thay thế:TCVN 10624:2014	Vật liệu cách nhiệt. Phương pháp xác định kích thước và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng tấm và dạng khối	Số trang:14
TCVN 10625:2014	Số trang:9	TCVN 14321:2025
Etanol nhiên liệu không biến tính dùng để trộn với xăng sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đánh lửa – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 14221:2025	Đồ trang sức và kim loại quý – Phân cấp chất lượng kim cương đã chế tác – Thuật ngữ, phân loại và phương pháp thử
Số trang:8	Vật liệu cách nhiệt. Phương pháp xác định kích thước và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng ống	Số trang:65
TCVN 12314-3:2025	Số trang:9	TCVN 14322:2025
Phòng cháy chữa cháy. Bình chữa cháy tự động kích hoạt. Phần 3: Bình bột vỏ xốp	TCVN 14222:2025	Đồ trang sức và kim loại quý – Đặc tính kỹ thuật của thỏi vàng 1 Kg
Số trang:17	Vật liệu cách nhiệt. Phương pháp xác định các đặc tính khi nén của vật liệu cách nhiệt	Số trang:9
TCVN 13567-7:2025	Số trang:13	TCVN 14323:2025
Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 7: Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng	TCVN 14291-1:2024	Đồ trang sức và kim loại quý – Độ tinh khiết của vật liệu hàn sử dụng trong các hợp kim kim loại quý dùng làm trang sức
Số trang:34	Công nghệ thông tin. Internet vạn vật (IoT). Nền tảng trao đổi	Số trang:8
TCVN 14162:2024		TCVN 14331:2025
		Phân bón. Xác định myo-inositol bằng phương pháp sắc
		Số trang:13

TCVN 14361:2025

Công nghệ thông tin. Internet vạn vật (IOT). Phương pháp luận về tính đáng tin cậy của hệ thống/ dịch vụ IOT
Số trang:37

TCVN 14397:2025

Hướng dẫn đánh giá kết quả đầu ra của chính sách
Số trang:59

TCVN 5543:2025

Đồ trang sức. Màu của hợp kim vàng. Định nghĩa, dải màu và ký hiệu
Số trang:20

Thay thế:TCVN 5543:1991

TCVN 6313:2025

Các khía cạnh an toàn. Hướng dẫn về an toàn cho trẻ em trong tiêu chuẩn
Số trang:56

Thay thế:TCVN 6313:2008

TCVN 6844:2025

Các khía cạnh an toàn. Hướng dẫn đề cập khía cạnh an toàn trong tiêu chuẩn
Số trang:23

Thay thế:TCVN 6844:2001

TCVN 7568-14:2025

Hệ thống báo cháy. Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình
Số trang:39

Thay thế:TCVN 7568-14:2015, TCVN 5738:2021

TCVN 9876:2025

Đồ trang sức và kim loại quý – Xác định vàng, platin và paladi độ tinh khiết cao – Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES
Số trang:15

Thay thế:TCVN 9876:2017

TCVN ISO 15189:2025

Phòng xét nghiệm y tế. Yêu cầu về chất lượng và năng lực
Số trang:76

Thay thế:TCVN ISO 15189:2014

TCVN ISO 56001:2025

Hệ thống quản lý đổi mới. Các yêu cầu
Số trang:54

TCVN ISO/IEC 17043:2025

Đánh giá sự phù hợp. Yêu cầu chung đối với năng lực của tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo
Số trang:82

Thay thế:TCVN ISO/IEC 17043:2011

TCVN ISO/IEC 17060:2025

Đánh giá sự phù hợp. Quy tắc thực hành tốt
Số trang:14

Thay thế:TCVN 7564:2007

❖ **TIÊU CHUẨN ISO****ISO 1003:2025**

Spices and condiments — Whole/pieces and ground dried ginger (*Zingiber officinale* Roscoe) — Specification
Pages: 9

Replaces: ISO 1003:2008

ISO 10110-11:2025

Optics and photonics — Preparation of drawings for optical elements and systemsPart 11: Non-toleranced data
Pages: 5

Replaces: ISO 10110-11:2016

ISO 10110-6:2025

Optics and photonics — Preparation of drawings for optical elements and systemsPart 6: Centring and tilt tolerances
Pages: 28

Replaces: ISO 10110-6:2015
ISO 1017:2025

Brown coals and lignites — Determination of acetone-soluble material ("resinous substance") in the benzene-soluble extract
Pages: 4

Replaces: ISO 1017:2006

ISO 10231:2025

Motorcycle tyres — Test methods for verifying tyre capabilities
Pages: 11

Replaces: ISO 10231:2022

ISO 10329:2025

Hard coal — Determination of plastic properties — Constant-torque Gieseler plastometer method
Pages: 13

Replaces: ISO 10329:2017

ISO 10519:2015/Amd 1:2025

Rapeseed — Determination of chlorophyll content — Spectrometric methodAmendment 1:

Preparation of the calibration curve to determine the k factor
Pages: 2

ISO 10767-3:2025

Hydraulic fluid power — Determination of pressure ripple levels generated in systems and componentsPart 3: Method for motors

<p>Pages: 37 Replaces: ISO 10767-3:1999 ISO 10924-1:2025 Road vehicles — Circuit breakersPart 1: Definitions and general test requirements Pages: 19 Replaces: ISO 10924-1:2016 ISO 10924-2:2025 Road vehicles — Circuit breakersPart 2: Guidance for users Pages: 26 Replaces: ISO 10924-2:2014 ISO 10924-3:2025 Road vehicles — Circuit breakersPart 3: Miniature circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB11 Pages: 11 Replaces: ISO 10924-3:2015 ISO 10924-4:2025 Road vehicles — Circuit breakersPart 4: Medium circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB15 Pages: 13 Replaces: ISO 10924-4:2015 ISO 10924-5:2025 Road vehicles — Circuit breakersPart 5: Circuit breakers with bolt with rated voltage of 450 V Pages: 9 Replaces: ISO 10924-5:2016 ISO 10934:2025 Microscopes — Vocabulary for light microscopy Pages: 58 Replaces: ISO 10934:2020 ISO 10993-23:2021/Amd 1:2025</p>	<p>Biological evaluation of medical devices — Part 23: Tests for irritationAmendment 1: Additional in vitro reconstructed human epidermis models Pages: 5 ISO 11108:2025 Information and documentation — Archival paper — Requirements for permanence and durability Pages: 7 Replaces: ISO 11108:1996 ISO 11137-1:2025 Sterilization of health care products — Radiation Part 1: Requirements for the development, validation and routine control of a sterilization process for medical devices Pages: 39 Replaces: ISO 11137-1:2006 ISO 11237:2025 Rubber hoses and hose assemblies — Compact wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids — Specification Pages: 13 Replaces: ISO 11237:2017 ISO 1135-4:2025 Transfusion equipment for medical usePart 4: Transfusion sets for single use, gravity feed Pages: 15 Replaces: ISO 1135-4:2015 ISO 1135-5:2025 Transfusion equipment for medical use</p>	<p>Part 5: Transfusion sets for single use with pressure infusion apparatus Pages: 20 Replaces: ISO 1135-5:2015 ISO 11357-3:2025 Plastics — Differential scanning calorimetry (DSC)Part 3: Determination of temperature and enthalpy of melting and crystallization Pages: 6 Replaces: ISO 11357-3:2018 ISO 11357-5:2025 Plastics — Differential scanning calorimetry (DSC)Part 5: Determination of characteristic reaction-curve temperatures and times, enthalpy of reaction and degree of conversion Pages: 10 Replaces: ISO 11357-5:2013 ISO 11365:2025 Petroleum and related products — Maintenance and use of triaryl phosphate ester turbine control fluids — Guidance and requirements Pages: 22 Replaces: ISO 11365:2017 ISO 11366:2025 Petroleum and related products — In-servicing of steam, gas and combined cycle turbines lubricating oils — Guidance and requirements Pages: 26 Replaces: ISO/TS 11366:2011 ISO 11713:2025 Carbonaceous materials used in the production of aluminium — Cathode blocks and baked</p>
---	---	---

anodes — Determination of the specific electrical resistivity at ambient temperature Pages: 4 Replaces: ISO 11713:2000 ISO 11781:2025 Molecular biomarker analysis — Requirements and guidance for single-laboratory validation of qualitative real-time polymerase chain reaction (PCR) methods Pages: 22 ISO 11843-7:2025 Capability of detectionPart 7: Methodology based on stochastic properties of instrumental noise Pages: 16 Replaces: ISO 11843-7:2018 ISO 11956:2025 Adventure tourism — Cyclotourism — Requirements and recommendations Pages: 38 ISO 11999-3:2025 PPE for firefighters — Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires occurring in structuresPart 3: Clothing Pages: 23 Replaces: ISO 11999-3:2015 ISO 11999-9:2025 PPE for firefighters — Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame	while fighting fires occurring in structuresPart 9: Fire hoods Pages: 15 Replaces: ISO 11999-9:2016 ISO 12219-11:2025 Interior air of road vehiclesPart 11: Thermal desorption analysis of organic emissions for the characterization on non-metallic materials for vehicles Pages: 33 ISO 12219-12:2025 Interior air of road vehiclesPart 12: Test methods for the determination of fogging characteristics of trim materials made from polyvinyl chloride (PVC) or polyurethane in the interior of automobiles Pages: 16 ISO 12231-1:2025 Digital imaging — VocabularyPart 1: Fundamental terms Pages: 5 Replaces: ISO 12231-1:2020 ISO 12312-1:2022/DAmD 1 Eye and face protection — Sunglasses and related eyewear — Part 1: Sunglasses for general useAmendment 1 Pages: 5 ISO 12855:2025 Electronic fee collection — Information exchange between service provision and toll charging Pages: 296 Replaces: ISO 12855:2022 ISO 13061-15:2025 Physical and mechanical properties of wood — Test	methods for small clear wood specimensPart 15: Determination of radial and tangential swelling Pages: 4 Replaces: ISO 13061-15:2017 ISO 13061-16:2025 Physical and mechanical properties of wood — Test methods for small clear wood specimensPart 16: Determination of volumetric swelling Pages: 5 Replaces: ISO 13061-16:2017 ISO 13094:2025 Composites and reinforcement fibres — Carbon fibre reinforced plastics (CFRPs) and metal assemblies — Combined stress test Pages: 12 ISO 13296:2025 Diesel engines — High-pressure fuel injection pipe assemblies — General requirements and dimensions Pages: 13 Replaces: ISO 13296:2016 ISO 13357-1:2025 Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamicsPart 1: Framework for value chain calculations Pages: 33 ISO 13357-2:2025 Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamicsPart 2: Forest carbon balance Pages: 15 ISO 13391-1:2025
--	--	--

Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamicsPart 3: Displacement of greenhouse gas emissions Pages: 12 ISO 13391-2:2025 Acoustics — Measurement of sound absorption properties of road surfaces in situPart 2: Spot method for reflective surfaces Pages: 25 Replaces: ISO 13472-2:2010 ISO 13391-3:2025 Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamicsPart 3: Displacement of greenhouse gas emissions Pages: 12 ISO 13472-2:2025 Acoustics — Measurement of sound absorption properties of road surfaces in situPart 2: Spot method for reflective surfaces Pages: 25 ISO 13629-1:2025 Textiles — Determination of antifungal activity of textile productsPart 1: Luminescence method Pages: 19 ISO 14245:2021/DAmD 1 Gas cylinders — Specifications and testing of LPG cylinder valves — Self-closingAmendment 1 Pages: 11 ISO 14617-2:2025 Graphical symbols for diagramsPart 2: Graphical symbols Pages: 237 Replaces: ISO 3511-2:1984	ISO 14622:2025 Space systems — Structural design — Loads and induced environment Pages: 10 Replaces: ISO 14622:2000 ISO 14644-5:2025 Cleanrooms and associated controlled environmentsPart 5: Operations Pages: 24 ISO 14889:2025 Ophthalmic optics — Spectacle lenses — Fundamental requirements for uncut finished lenses Pages: 7 Replaces: ISO 14889:2013/Amd 1:2017 ISO 14912:2025 Gas analysis — Conversion of gas mixture composition data Pages: 55 Replaces: ISO 14912:2003/Cor 1:2006 ISO 15237:2025 Coal — Determination of total mercury Pages: 7 Replaces: ISO 15237:2016 ISO 15638-23:2025 Intelligent transport systems — Framework for collaborative telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV)Part 23: Tyre pressure monitoring (TPM) Pages: 74 ISO 157:2025 Coal — Determination of forms of sulfur Pages: 18	Replaces: ISO 157:1996/Cor 1:1999 ISO 15830-2:2022/DAmD 1 Road vehicles — Design and performance specifications for the WorldSID 50th percentile male side-impact dummy — Part 2: Mechanical subsystemsAmendment 1: Head centre of gravity Pages: 2 ISO 15830-3:2022/DAmD 1 Road vehicles — Design and performance specifications for the WorldSID 50th percentile male side-impact dummy — Part 3: Mechanical requirements for electronic subsystemsAmendment 1: Head triaxial linear accelerometer neutral axes Pages: 2 ISO 15964:2025 Detection and avoidance systems for uncrewed aircraft systems Pages: 16 ISO 16123:2025 Ships and marine technology — Marine cranes — Slewing bearings Pages: 17 ISO 16199:2025 Ships and marine technology — Jacking system appliances on self-elevating unit — Acceptance tests Pages: 8 ISO 16276-2:2025 Corrosion protection of steel structures by protective paint systems — Assessment of, and
--	--	---

- acceptance criteria for, the adhesion/cohesion (fracture strength) of a coatingPart 2: Cross-cut testing and X-cut testing
Pages: 8
Replaces: ISO 16276-2:2007
ISO 1629:2025
Rubber and latices — Nomenclature
Pages: 6
Replaces: ISO 1629:2013
ISO 16293-2:2025
Glass in building — Basic soda lime silicate glass productsPart 2: Float glass
Pages: 11
Replaces: ISO 16293-2:2017
ISO 16321-3:2021/DAmD 1
Eye and face protection for occupational use — Part 3: Additional requirements for mesh protectorsAmendment 1
Pages: 1
ISO 16468:2025
Investment castings (steel, nickel alloys and cobalt alloys) — General technical requirements
Pages: 11
Replaces:
ISO 16486-4:2025
Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels — Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointingPart 4: Valves
Pages: 21
Replaces: ISO 16486-4:2022
ISO 16571:2024/DAmD 1
- Systems for evacuation of plume generated by medical devicesAmendment 1
Pages: 1
ISO 16636:2025
Plastics — Disintegration field test of plastics under water environmental conditions
Pages: 17
ISO 16687:2025
Impact assessment for museums
Pages: 37
ISO 16831:2025
Non-destructive testing — Ultrasonic testing — Characterization and verification of ultrasonic equipment for the determination of thickness
Pages: 16
ISO 16840-12:2021/Amd 1:2025
Wheelchair seating — Part 12: Envelopment and immersion characterization of seat cushions using a dual semispherical indenterAmendment 1
Pages: 3
ISO 17236:2025
Leather — Physical and mechanical tests — Determination of extension set
Pages: 4
Replaces: ISO 17236:2016
ISO 17297:2025
Microbeam analysis — Focused ion beam application for TEM specimen preparation — Vocabulary
Pages: 14
- ISO 17299-6:2025**
Textiles — Determination of deodorant propertyPart 6: Gas chromatography method using automated dosing and sampling
Pages: 14
ISO 17419:2025
Intelligent transport systems — Globally unique identification
Pages: 46
Replaces: ISO 17419:2018/Amd 1:2024
ISO 17423:2025
Intelligent transport systems — Application requirements and objectives
Pages: 33
Replaces: ISO 17423:2018
ISO 17581:2025
Rubber- or plastics-coated fabrics — Determination of water absorption resistance
Pages: 15
ISO 17635:2025
Non-destructive testing of welds — General rules for metallic materials
Pages: 15
Replaces: ISO 17635:2016
ISO 17646:2025
Rapid detection of moisture content in fresh meat — Low-field nuclear magnetic resonance (LF-NMR) method
Pages: 20
ISO 17648:2025
Quick-frozen coated aquatic products — Specification
Pages: 12
ISO 17666:2025

Space systems — Programme management — Risk management

Pages: 21

Replaces: ISO 17666:2016
ISO 17744:2025

Plastics — Determination of specific volume as a function of temperature and pressure, pVT diagram — Piston apparatus method

Pages: 18

Replaces: ISO 17744:2004
ISO 17831-2:2025

Solid biofuels — Determination of mechanical durability of pellets and briquettesPart 2:

Briquettes

Pages: 6

Replaces: ISO 17831-2:2015
ISO 17987-1:2025

Road vehicles — Local Interconnect Network (LIN)Part 1: General information and use case definition

Pages: 8

Replaces: ISO 17987-1:2016
ISO 17987-6:2025

Road vehicles — Local Interconnect Network (LIN)Part 6: Protocol conformance test specification

Pages: 104

Replaces: ISO 17987-6:2016
ISO 17987-7:2025

Road vehicles — Local Interconnect Network (LIN)Part 7: Electrical physical layer (EPL) conformance test specification

Pages: 195

Replaces: ISO 17987-7:2016
ISO 18177:2025

Plastics — Test method for estimation of the short chain branching distribution of semicrystalline ethylene 1-

olefin copolymers — Differential scanning calorimetry (DSC)

Pages: 20

ISO 18374:2025

Dentistry — Artificial intelligence (AI) and augmented intelligence (AuI) based 2D radiograph analysis — Data generation, data annotation and data processing

Pages: 13

ISO 18390:2025

Cereals, pulses and cereal products — Sampling — Simplified routine method

Pages: 14

ISO 18464:2025

Hydraulic fluid power — Design methodology for energy efficient systems

Pages: 10

ISO 18483:2025

Performance rating of centrifugal refrigerant compressor

Pages: 10

ISO 18510-1:2025

Measurement of radioactivity in the environment —

BioindicatorsPart 1: General guidance to the sampling, conditioning and pre-treatment

Pages: 17

ISO 18650-2:2025

Building construction machinery and equipment — Concrete mixersPart 2:

Procedure for examination of mixing efficiency

Pages: 19

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

CISPR 16-1-4:2025 PRV

Specification for radio disturbance and immunity measuring apparatus and methods - Part 1-4: Radio disturbance and immunity measuring apparatus - Antennas and test sites for radiated disturbance measurements

Pages: 166

IEC 60061-1:1969/AMD64:2025

Amendment 64 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety - Part 1: Lamp caps AMENDMENT

Pages: 308

IEC 60061-2:1969/AMD60:2025

Amendment 60 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety -

Part 2: Lampholders

Pages: 37

Replaces: IEC 60061-2:1969/AMD29:2002

IEC 60068-2-83:2025 RLV

Environmental testing - Part 2-83: Tests - Test Tf: Solderability testing of electronic components for surface mounting devices (SMD) by the

wetting balance method using solder paste Pages: 124 IEC 60068-2-83:2025 Environmental testing - Part 2-83: Tests - Test Tf: Solderability testing of electronic components for surface mounting devices (SMD) by the wetting balance method using solder paste Pages: 75 IEC 60092-301:2025 PRV Electrical installations in ships - Part 301: Equipment - Generators and motors Pages: 14 Replaces: IEC 60092-301:1980/AMD2:1995 IEC 60092-501:2025 PRV Electrical installations in ships - Part 501: Special features - Electric propulsion plant Pages: 45 Replaces: IEC 60092-501:2013 IEC 60127-9:2025 PRV Miniature fuses - Part 9: Miniature fuse-links for special applications with partial-range breaking capacity Pages: 34 IEC 60350-2:2025 RLV Household electric cooking appliances - Part 2: Hobs - Methods for measuring performance Pages: 233 Replaces: IEC 60350-2:2017+AMD1:2021 CSV IEC 60350-2:2025 Household electric cooking appliances - Part 2: Hobs -	Methods for measuring performance Pages: 160 Replaces: IEC 60350-2:2017+AMD1:2021 CSV IEC 60364-1:2025 PRV Low-voltage electrical installations - Part 1: Fundamental principles, assessment of general characteristics, and definitions Pages: 49 IEC 60664-1:2020+AMD1:2025 CSV Insulation coordination for equipment within low-voltage supply systems - Part 1: Principles, requirements and tests Pages: 175 Replaces: IEC 60664-1:2007 IEC 60664-1:2020/AMD1:2025 Amendment 1 - Insulation coordination for equipment within low-voltage supply systems - Part 1: Principles, requirements and tests Pages: 25 IEC 60684-2:2025 RLV Flexible insulating sleeving - Part 2: Methods of test Pages: 299 IEC 60684-2:2025 Flexible insulating sleeving - Part 2: Methods of test Pages: 200 Replaces: IEC 60684-2:2011 IEC 60684-3-281:2025 RLV Flexible insulating sleeving - Part 3: Specifications for individual types of sleeving -	Sheet 281: Heat-shrinkable, polyolefin sleeving, semiconductive Pages: 36 Replaces: IEC 60684-3-281:2010 IEC 60684-3-281:2025 Flexible insulating sleeving - Part 3: Specifications for individual types of sleeving - Sheet 281: Heat-shrinkable, polyolefin sleeving, semiconductive Pages: 24 Replaces: IEC 60684-3-281:2010 IEC 60730-2-6:2025 PRV Automatic electrical controls - Part 2-6: Particular requirements for automatic electrical pressure sensing controls including mechanical requirements Pages: 37 Replaces: IEC 60730-2-6:2007 IEC 60730-2-8:2025 EXV Automatic electrical controls - Part 2-8: Particular requirements for electrically operated water valves, including mechanical requirements Pages: 404 Replaces: IEC 60730-2-8:2018+AMD1:2021 CSV/COR1:2022 IEC 60730-2-8:2025 Automatic electrical controls - Part 2-8: Particular requirements for electrically operated water valves,
---	--	--

including mechanical requirements Pages: 100 IEC 60730-2-11:2025 PRV Automatic electrical controls - Part 2-11: Particular requirements for energy regulators Pages: 21 IEC 60730-2-12:2025 PRV Automatic electrical controls - Part 2-12: Particular requirements for electrically operated door locks Pages: 24 Replaces: IEC 60730-2-12:2015 IEC 60730-2-13:2025 PRV Automatic electrical controls - Part 2-13: Particular requirements for humidity sensing controls Pages: 27 Replaces: IEC 60730-2-13:2017/COR1:2018 IEC 60730-2-23:2025 EXV Automatic electrical controls - Part 2-23: Particular requirements for electrical sensors and sensing elements Pages: 331 IEC 60730-2-23:2025 Automatic electrical controls - Part 2-23: Particular requirements for electrical sensors and sensing elements Pages: 64 IEC 60793-2-50:2025 CMV Optical fibres - Part 2-50: Product specifications - Sectional specification for class B single-mode fibres Pages: 119	Replaces: IEC 60793-2-50:2018 IEC 60793-2-50:2025 Optical fibres - Part 2-50: Product specifications - Sectional specification for class B single-mode fibres Pages: 79 Replaces: IEC 60793-2-50:2018 IEC 60794-1-218:2025 PRV Optical fibre cables - Part 1-218: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Mid-span temperature cycling test for exposed optical units, Method F18 Pages: 11 IEC 61000-2-9:2025 Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 2-9: Environment - Description of HEMP environment - Radiated disturbance Pages: 41 Replaces: IEC 61000-2-9:1996 IEC 61131-3:2025 Programmable controllers - Part 3: Programming languages Pages: 518 IEC 61156-14:2025 Multicore and symmetrical pair/quad cables for digital communications - Part 14: Symmetrical single pair cables with transmission characteristics up to 20 MHz - Work area wiring - Sectional specification Pages: 25 IEC 61169-1-9:2025 Radio-frequency connectors - Part 1-9: Mechanical test	methods - Safety wire hole pull-out Pages: 17 IEC 61196-1-101:2025 Coaxial communication cables - Part 1-101: Electrical test methods - Test for conductor DC resistance of cable Pages: 6 Replaces: IEC 61196-1-101:2005 IEC 61203:2025 Synthetic organic esters - Guidelines for maintenance and use in electrical equipment Pages: 75 Replaces: IEC 61203:1992 IEC 61300-2-5/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-5: Tests - Torsion Pages: 3 Replaces: IEC 61300-2-5:2022 IEC 61300-3-46:2025 Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-46: Examinations and measurements - Bore diameter in rectangular ferrules Pages: 18 Replaces: IEC 61300-3-46:2011 IEC TR 61340-1-1:2025 Electrostatics - Part 1-1: Electrostatic phenomena - Measurement errors, uncertainties and expression of results
---	---	---

<p>Pages: 27</p> <p>IEC TS 61400-50-4:2025</p> <p>Wind energy generation systems - Part 50-4: Use of floating lidar systems for wind measurements</p>	<p>Pages: 86</p> <p>IEC 61643-41:2025</p> <p>Low-voltage surge protective devices - Part 41: Surge protective devices connected to DC low-voltage power systems – Requirements and test methods</p>	<p>Fuel cell technologies - Part 3-200: Stationary fuel cell power systems - Performance test methods</p> <p>Pages: 78</p> <p>Replaces: IEC 62282-3-200:2015</p>
<p>Pages: 81</p> <p>IEC 61496-3:2025 PRV</p> <p>Safety of machinery - Electro-sensitive protective equipment - Part 3: Particular requirements for active opto-electronic protective devices responsive to diffuse reflection (AOPDDR)</p>	<p>Pages: 63</p> <p>IEC 61754-36:2025</p> <p>Fibre optic interconnecting devices and passive components – Fibre optic connector interfaces – Part 36: Type SAC connector family</p>	<p>IEC 62341-6-1:2025 CMV</p> <p>Organic light emitting diode (OLED) displays - Part 6-1: Measuring methods of optical and electro-optical parameters</p> <p>Pages: 114</p> <p>Replaces: IEC 62341-6-1:2022</p>
<p>Pages: 86</p> <p>Replaces: IEC 61496-3:2018</p> <p>IEC 61512-1:2025 PRV</p> <p>Batch control - Part 1: Models and terminology</p>	<p>Pages: 61</p> <p>IEC 61847:2025</p> <p>Ultrasonics - Surgical systems - Measurement and declaration of the basic output characteristics</p>	<p>IEC 62341-6-1:2025</p> <p>Organic light emitting diode (OLED) displays - Part 6-1: Measuring methods of optical and electro-optical parameters</p> <p>Pages: 52</p> <p>Replaces: IEC 62341-6-1:2022</p>
<p>Pages: 130</p> <p>Replaces: IEC 61512-1:1997</p> <p>IEC 61554:2025 RLV</p> <p>Panel mounted equipment - Electrical measuring instruments - Dimensions for panel mounting</p>	<p>Pages: 72</p> <p>Replaces: IEC 61847:1998</p> <p>IEC 62007-2:2025 PRV</p> <p>Semiconductor optoelectronic devices for fibre optic system applications - Part 2: Measuring methods</p>	<p>Replaces: IEC 62341-6-1:2022</p> <p>IEC 62425:2025 CMV</p> <p>Railway applications - Communication, signalling and processing systems - Safety related electronic systems for signalling</p> <p>Pages: 287</p> <p>Replaces: IEC 62425:2007</p>
<p>Pages: 47</p> <p>Replaces: IEC 61554:1999</p> <p>IEC 61554:2025</p> <p>Panel mounted equipment - Electrical measuring instruments - Dimensions for panel mounting</p>	<p>Pages: 41</p> <p>Replaces: IEC 62007-2:2009</p> <p>IEC 62271-208:2025 PRV</p> <p>High-voltage switchgear and controlgear - Part 208: Methods to quantify the steady state, power-frequency electromagnetic fields generated by HV switchgear assemblies and HV/LV prefabricated substations, both for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV</p>	<p>IEC 62425:2025</p> <p>Railway applications - Communication, signalling and processing systems - Safety related electronic systems for signalling</p> <p>Pages: 141</p> <p>Replaces: IEC 62425:2007</p>
<p>Pages: 29</p> <p>Replaces: IEC 61554:1999</p> <p>IEC 61643-21:2025 PRV</p> <p>Low voltage surge protective devices - Part 21: Surge protective devices connected to telecommunications and signalling networks - Requirements and test methods</p>	<p>Pages: 51</p> <p>IEC 62282-3-200:2025 PRV</p>	<p>IEC 62453-1:2025 PRV</p> <p>Field device tool (FDT) interface specification - Part 1: Overview and guidance</p> <p>Pages: 53</p>

Replaces: IEC 62453-1:2016 IEC 62590-1:2025 Railway applications - Electronic power converters for fixed installations - Part 1: General requirements Pages: 106	IEC 62868-2-2:2020+ AMD1:2025 CSV Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-2: Particular requirements - Integrated OLED modules Pages: 25	Software and systems engineering - Capabilities of build and deployment tools Pages: 32
IEC 62590-2-1:2025 PRV Railway applications - Electronic power converters for fixed installations - Part 2-1: DC traction applications - Uncontrolled rectifiers Pages: 46	ISO/IEC 42005:2025 Information technology - Artificial intelligence (AI) - AI system impact assessment Pages: 39	ISO/IEC 23008-1:2023/ AMD1:2025 Information technology - High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments - Part 1: MPEG media transport (MMT) - Amendment 1: Signalling of adaptive FEC scheme AMENDMENT Pages: 6
IEC 62683-2-2:2025 PRV Low-voltage switchgear and controlgear - Product data and properties for information exchange - Engineering data - Part 2-2: Switchgear and controlgear assembly objects for building information modelling Pages: 30	ISO/IEC TS 18013-7:2025 Personal identification - ISO- compliant driving licence - Part 7: Mobile driving licence (mDL) add-on functions Pages: 43	ISO/IEC 23009-9:2025 Information technology - Dynamic adaptive streaming over HTTP (DASH) - Part 9: Redundant encoding and packaging for segmented live media (REaP) Pages: 32
Replaces: IEC 62683-1:2017 IEC 62868-2-1:2020+ AMD1:2025 CSV Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-1: Particular requirements - Semi- integrated OLED modules Pages: 21	ISO/IEC 18584-1:2025 Information technology - Test methods for on-card biometric comparison applications - Part 1: General principles and specifications Pages: 19	ISO/IEC 23090-24:2025 Information technology - Coded representation of immersive media - Part 24: Conformance and reference software for scene description Pages: 13
IEC 62868-2-1:2020/ AMD1:2025 Amendment 1 - Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-1: Particular requirements - Semi-integrated OLED modules Pages: 16	ISO/IEC 18584-2:2025 Information technology - Test methods for on-card biometric comparison applications - Part 2: Work-sharing mechanism Pages: 6	ISO/IEC 23090-26:2025 Information technology - Coded representation of immersive media - Part 26: Conformance and reference software for carriage of geometry-based point cloud compression data Pages: 11
	ISO/IEC TS 20540:2025 Information security, cybersecurity and privacy protection - Testing cryptographic modules in their field Pages: 44	ISO/IEC 23092-3:2025 Information technology - Genomic information representation - Part 3:
	ISO/IEC 20582:2025	

<p>Metadata and application programming interfaces (APIs) Pages: 120 ISO/IEC 27031:2025</p> <p>Cybersecurity - Information and communication technology readiness for business continuity Pages: 33 ISO/IEC TR 27599:2025</p> <p>Information technology – Brain-computer interfaces – Use cases Pages: 112 ISO/IEC 9594-3:2020/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 3: The Directory: Abstract service definition - Amendment 1: Miscellaneous enhancements AMENDMENT Pages: 3 ISO/IEC 9594-4:2020/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 4: The Directory: Procedures for distributed operation - Amendment 1: Miscellaneous enhancements AMENDMENT Pages: 3 ISO/IEC 9594-5:2020/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 5: The Directory: Protocol specifications - Amendment 1: Miscellaneous enhancement Pages: 5 ISO/IEC 9594-7:2020/AMD1:2025</p>	<p>Information technology - Open systems interconnection - Part 7: The Directory: Selected object classes - Amendment 1: Miscellaneous enhancements Pages: 2 ISO/IEC 9594-8:2020/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 8: The Directory: Public-key and attribute certificate frameworks - Amendment 1: Miscellaneous enhancements Pages: 5 ISO/IEC 9594-9:2020/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 9: The Directory: Replication - Amendment 1: Miscellaneous enhancements Pages: 25 ISO/IEC 9594-12:2025</p> <p>Information technology - Open systems interconnection - Part 12: The Directory: Key management and public-key infrastructure establishment and maintenance Pages: 102 ISO/IEC 10646:2020/AMD2:2025</p> <p>Information technology - Universal coded character set (UCS) - Amendment 2: Todhri, Garay, Tulu-Tigalari, Sunuwar, Gurung Khema, Kirat Rai, and other characters Pages: 403 ISO/IEC TR 10822-1:2025</p>	<p>Cloud computing - Multi-cloud management - Part 1: Overview and use cases Pages: 66 ISO/IEC 14496-34:2025</p> <p>Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 34: Syntactic description language Pages: 57 ISO/IEC 15944-7:2009/AMD1:2025</p> <p>Information technology - Business operational view - Part 7: eBusiness vocabulary - Amendment 1 Pages: 33 IEC 82474-1:2025</p> <p>Material declaration – Part 1: General requirements Pages: 126 IEC/IEEE 60079-30-1:2025 PRV</p> <p>Explosive atmospheres - Part 30-1: Electrical resistance trace heating - General and testing requirements Pages: 78 IEC/IEEE 60079-30-2:2025 PRV</p> <p>Explosive atmospheres – Part 30-2: Electrical resistance trace heating – Guidance on application for design, installation and maintenance Pages: 74 IEC/IEEE 80005-3:2025 PRV</p> <p>Utility connections in port – Part 3: Low-voltage shore connection (LVSC) systems – General requirements Pages: 48 IEC 63180:2020/AMD1:2025</p>
---	--	--

Amendment 1 - Methods of measurement and declaration of the detection range of detectors - Passive infrared detectors for major and minor motion detection Pages: 25 IEC 63208:2025 PRV Low-voltage switchgear and controlgear and their assemblies – Security requirements Pages: 128 IEC TS 63224:2025 Management of network assets in power systems - Management aspects Pages: 38 IEC 63378-3:2025 Thermal standardization on semiconductor packages - Part 3: Thermal circuit simulation models of discrete semiconductor packages for transient analysis Pages: 29 IEC 63380-2:2025 PRV Standard interface for connecting charging stations to local energy management systems - Part 2 Specific data model mapping Pages: 198 IEC 63435:2025 PRV Nuclear facilities - Human machine interfaces - Operator support systems Pages: 34 IEC TS 63457-1:2025 Household and similar appliances – Subsequent safety testing after repair,	refurbishment, and remanufacturing – Part 1: General requirements Pages: 28 IEC 63522-5:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 5: Insulation resistance Pages: 20 IEC 63522-18:2025 Electrical relays – Tests and measurements – Part 18: Thermal resistance of the coil Pages: 16 IEC TR 63534:2025 Integrating distributed PV into LVDC systems and use cases Pages: 37 IEC TR 63571:2025 Semiconductor devices – Estimation method for lifetime conversion from “PART” to “SYSTEM” Pages: 24 IEC 62868-2-1:2020+ AMD1:2025 CSV Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-1: Particular requirements - Semi-integrated OLED modules Pages: 21 IEC 62868-2-1:2020/ AMD1:2025 Amendment 1 - Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-1: Particular requirements - Semi-integrated OLED modules Pages: 16 IEC 62899-302-6:2025	Printed electronics - Part 302-6: Equipment - Inkjet - First drop measurement Pages: 24 IEC 62899-402-1:2025 Printed electronics - Part 402-1: Printability - Measurement of qualities - Line pattern widths Pages: 16 ISO/IEC 9594-6:2020/ AMD1:2025 Information technology - Open systems interconnection - Part 6: The Directory: Selected attribute types - Amendment 1 Pages: 42 ❖ TIÊU CHUẨN BS BS ISO 21109:2025 Nicotine pouches. Test method for pH BS 7505:2025 Elastic properties of flat, non-adhesive, extensible fabric bandages. Specification BS EN 12385-5:2021+ A1:2025 Steel wire ropes. Safety - Stranded ropes for lifts BS ISO 16199:2025 Ships and marine technology. Jacking system appliances on self-elevating unit. Acceptance tests BS EN IEC 60879:2019+ A1:2025 Comfort fans and regulators for household and similar purposes. Methods for measuring performance Replace: BS EN IEC 60879:2019
---	---	--

**BS EN 15522-2:2023+
A1:2025**

Oil spill identification. Petroleum and petroleum related products - Analytical method and interpretation of results based on GC-FID and GC-low resolution-MS analyses
Replace: PD CEN/TR 15522-2:2012

BS EN IEC 61340-4-11:2025

Electrostatics - Standard test methods for specific applications. Testing of electrostatic properties of composite IBC

BS EN IEC 61400-15-1:2025

Wind energy generation systems - Site suitability input conditions for wind power plants

BS IEC 63211-3-2:2025

Durability test methods for electronic displays - Mechanical tests. Static stress

BS IEC 63455:2025

Multimedia systems and equipment. Multimedia signal transmission. Dependable line code with error correction

BS ISO 22863-16:2025

Fireworks. Test methods for determination of specific chemical substances - Procedure for identification of report or burst charge

BS EN ISO 18374:2025

Dentistry. Artificial intelligence (AI) and augmented intelligence (Aul) based 2D radiograph analysis. Data generation, data annotation and data processing

**BS EN IEC/IEEE 60076-57-
1202:2025+A11:2025**

Power transformers - Liquid immersed phase-shifting transformers

BS EN IEC 60704-2-11:2025

Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise - Particular requirements for electrically-operated food preparation appliances

BS EN 17526:2021+A1:2025

Gas meter. Thermal-mass flow-meter based gas meter

BS EN ISO 15883-1:2025

Washer-disinfectors - General requirements, terms and definitions and tests
Replace:BS EN ISO 15883-1:2009+A1:2014

BS ISO 13391-1:2025

Wood and wood-based products. Greenhouse gas dynamics - Framework for value chain calculations

BS ISO 13391-2:2025

Wood and wood-based products. Greenhouse gas dynamics - Forest carbon balance

BS ISO 13391-3:2025

Wood and wood-based products. Greenhouse gas dynamics - Displacement of greenhouse gas emissions

BS ISO 18464:2025

Hydraulic fluid power. Design methodology for energy efficient systems

BS ISO 17648:2025

Quick-frozen coated aquatic products. Specification

BS EN 17999:2025

Accessible systems for living independently. Requirements and recommendations

BS ISO 24617-15:2025

Language resource management. Semantic annotation framework (SemAF) - Measurable quantitative information extraction (MQIE)

BS ISO 8149:2025

Unplasticized polyamide (PA-U) pipes. Effect of time and temperature on the expected strength

BS ISO 20188:2025

Space systems. Product assurance requirements for commercial satellites

BS ISO 23591:2021+A1:2025

Acoustic quality criteria for music rehearsal rooms and spaces

BS ISO 25556:2025

Ageing societies. General requirements and guidelines for ageing-inclusive digital economy

BS ISO 5461:2025

Space systems. Failure reporting, analysis and corrective action (FRACA) process requirements

BS ISO 16687:2025

Impact assessment for museums

BS ISO 4517:2025

Physical vapor deposition (PVD) coatings. Contact angle

<p>measurement of metallic hydrophobic PVD coatings BS IEC 62899-302-6:2025 Printed electronics - Equipment. Inkjet. First drop measurement BS EN ISO 9073-5:2025 Nonwovens. Test methods - Determination of resistance to mechanical penetration (ball burst procedure) BS EN ISO 15883-7:2025 Washer-disinfectors - Requirements and tests for washer-disinfectors employing chemical disinfection for non-critical thermolabile medical devices and health care equipment BS ISO 17646:2025 Rapid detection of moisture content in fresh meat. Low-field nuclear magnetic resonance (LF-NMR) method BS EN IEC 62037-8:2025 Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Measurement of passive intermodulation generated by objects exposed to RF radiation BS ISO 18390:2025 Cereals, pulses and cereal products. Sampling. Simplified routine method BS ISO 5002:2025 Hot-rolled and cold-reduced electrolytic zinc-coated carbon steel sheet of commercial and drawing qualities BS ISO 5068-2:2025 Brown coals and lignites. Determination of moisture -</p>	<p>Indirect gravimetric method for moisture in the analysis sample BS EN 3475-513:2025 Aerospace series. Cables, electrical, aircraft use. Test methods - Deformation resistance (installation with plastic cable ties) Replace:BS EN 3475-513:2020 BS ISO/IEC 25390:2025 Information technology. Financial information exchange. Simple binary encoding BS ISO 11237:2025 Rubber hoses and hose assemblies. Compact wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids. Specification BS ISO 18177:2025 Plastics. Test method for estimation of the short chain branching distribution of semicrystalline ethylene 1-olefin copolymers. Differential scanning calorimetry (DSC) BS ISO 21910-2:2025 Fine bubble technology. Characterization of microbubbles - In-situ dynamic image analysis method BS ISO 17581:2025 Rubber- or plastics-coated fabrics. Determination of water absorption resistance BS EN 9125:2025 Aerospace series. Quality management systems. Non-deliverable software requirement BS ISO/IEC 14763-5:2025</p>	<p>Information technology. Implementation and operation of customer premises cabling - Sustainability BS EN 17533:2025 Gaseous hydrogen. Cylinders and tubes for stationary storage BS EN 2087:2025 Aerospace series. Aluminium alloy AL-P2014A. T6 or T62. Clad sheets and strips. 0,4 mm ≤ a ≤ 6 mm Replace:BS EN 2087:2005 BS ISO/IEC 29794-5:2025 Information technology. Biometric sample quality - Face image data BS EN ISO 20127:2025 Dentistry. Physical properties of powered toothbrushes Replace:BS EN ISO 20127:2020 BS EN ISO 15883-3:2025 Washer-disinfectors - Requirements and tests for washer-disinfectors employing thermal disinfection for human waste containers Replace:BS EN ISO 15883-3:2009 BS EN ISO 15883-2:2025 Washer-disinfectors - Requirements and tests for washer-disinfectors employing thermal disinfection for critical and semi-critical medical devices Replace:BS EN ISO 15883-2:2009 BS ISO 12219-11:2025 Interior air of road vehicles - Thermal desorption analysis of organic emissions for the</p>
--	--	--

<p>characterization on non-metallic materials for vehicles BS ISO 7176-25:2022+A1:2025</p> <p>Wheelchairs - Lead-acid batteries and chargers for powered wheelchairs. Requirements and test methods BS EN 13451-3:2022+A1:2025</p> <p>Swimming pool equipment - Additional specific safety requirements and test methods for inlets and outlets and water/air based water leisure features installed in pools for public use BS EN IEC 62290-3:2025</p> <p>Railway applications. Urban guided transport management and command/control systems - System requirements specification BS EN IEC 60335-2-82:2022+A1:2025</p> <p>Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for amusement machines and personal service machines BS ISO 15237:2025</p> <p>Coal. Determination of total mercury Replace:BS ISO 15237:2016 BS ISO 11366:2025</p> <p>Petroleum and related products. In-servicing of steam, gas and combined cycle turbines lubricating oils. Guidance and requirements BS ISO 13296:2025</p>	<p>Diesel engines. High-pressure fuel injection pipe assemblies. General requirements and dimensions Replace:BS ISO 13296:2016 BS EN 3375-011:2025 - TC Aerospace series. Cable, electrical for digital data transmission - Single braid. Star Quad 100 ohms. Lightweight. Type KL. Product standard Replace: BS EN 3375-011:2022 BS ISO 11365:2025 - TC Petroleum and related products. Maintenance and use of triaryl phosphate ester turbine control fluids. Guidance and requirements Replace: BS ISO 11365:2017 BS ISO 5068-1:2025 - Brown coals and lignites. Determination of moisture - Indirect gravimetric method for total moisture BS EN 2591-403:2025</p> <p>Aerospace series. Elements of electrical and optical connection. Test methods - Sinusoidal and random vibration Replace: BS EN 2591-403:2018 BS EN IEC 62037-3:2025</p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Measurement of passive intermodulation in coaxial connectors Replace: BS EN IEC 62037-3:2021 BS ISO 157:2025</p> <p>Coal. Determination of forms of sulfur</p>	<p>Replace:BS 1016-106.5:1996 BS EN ISO/IEC 5259-2:2025</p> <p>Artificial intelligence. Data quality for analytics and machine learning (ML) - Data quality measures BS EN 13451-4:2025</p> <p>Swimming pool equipment - Additional specific safety requirements and test methods for starting platforms Replace:BS EN 13451-4:2014 BS ISO 13472-2:2025</p> <p>Acoustics. Measurement of sound absorption properties of road surfaces in situ - Spot method for reflective surfaces BS EN ISO 21207:2025</p> <p>Corrosion tests in artificial atmospheres. Accelerated corrosion tests involving alternate exposure to corrosion-promoting gases, neutral salt-spray and drying Replace:BS EN ISO 21207:2022 BS EN 13374:2025</p> <p>Temporary edge protection systems. Product specification. Test methods Replace: BS EN 13374:2013+A1:2018 BS EN 16732:2025</p> <p>Slide fasteners (zips). Specification Replace: BS EN 16732:2015 BS IEC 61156-12:2025</p> <p>Multicore and symmetrical pair/quad cables for digital communications - Symmetrical single pair cables with transmission characteristics up</p>
---	---	--

to 1,25 GHz. Work area wiring. Sectional specification BS EN IEC 63185:2025 Measurement of the complex permittivity for low-loss dielectric substrates balanced-type circular disk resonator method BS EN 17885:2023+A1:2025 Candle accessories. Specification for fire safety and product safety labels BS EN 9227-2:2025 Aerospace series. Programme management. Guide for reliability control BS EN 1705:2025 Plastics piping systems. Thermoplastics valves. Test method for the integrity of a valve after an external blow BS EN ISO 14912:2025 Gas analysis. Conversion of gas mixture composition data BS ISO 11956:2025 Adventure tourism. Cyclotourism. Requirements and recommendations BS ISO/IEC 9594-12:2025 Information technology. Open systems interconnection - The Directory: Key management and public-key infrastructure establishment and maintenance BS EN 17692:2025 Central heating boilers. Specification for indirectly heated unvented (closed) pressurized buffer tanks. Requirements, testing and marking BS EN IEC 60335-2-106:2025+	A11:2025 Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for heated carpets and for heating units for room heating installed under removable floor coverings Replace: BS EN 60335-2-106:2007 BS EN 14349:2025 Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative surface test for the evaluation of bactericidal activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area on non-porous surfaces without mechanical action. Test method and requirements (phase 2, step 2) Replace: BS EN 14349:2012 BS ISO 4504:2025 Plastics. Polyethylene (PE). Determination of co-monomer content by solution state ¹³ C-NMR spectrometry BS EN 15751:2025 Automotive fuels. Fatty acid methyl ester (FAME) fuel and blends with diesel fuel. Determination of oxidation stability by accelerated oxidation method at 110 °C Replace: BS EN 15751:2014 BS EN 1993-1-6:2025 Eurocode 3. Design of steel structures - Strength and stability of shell structures Replace: BS EN 1993-1-6:2007+A1:2017 BS EN 4800-003:2025	Aerospace series. Titanium and titanium alloys - Tubes. Technical specification BS ISO 25498:2025 Microbeam analysis. Analytical electron microscopy. Selected area electron diffraction analysis using a transmission electron microscope Replace: BS ISO 25498:2018 BS ISO/IEC 27031:2025 Cybersecurity. Information and communication technology readiness for business continuity Replace: BS ISO/IEC 27031:2011 BS EN IEC 60335-2-4:2025+A11:2025 Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for spin extractors Replace: BS EN IEC 60335-2-4:2023+A11:2023 BS ISO 17299-6:2025 Textiles. Determination of deodorant property - Gas chromatography method using automated dosing and sampling BS EN IEC 60335-2-28:2025+A11:2025 Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for sewing machines Replace: BS EN 60335-2-28:2003+A11:2018 BS EN IEC 60335-2-59:2025+A11:2025 Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for insect killers
---	--	---

Replace: BS EN 60335-2-59:2003+A11:2018 BS EN ISO 22675:2025 Prosthetics. Testing of ankle-foot devices and foot units. Requirements and test methods Replace: BS EN ISO 22675:2016 BS ISO 19741:2025 Optics and photonics. Optical materials and components. Test method for striae in infrared optical materials BS ISO 2007:2025 Rubber, unvulcanized. Determination of plasticity. Rapid-plastimeter method Replace: BS ISO 2007:2018 BS ISO 23551-10:2025 Safety and control devices for gas burners and gas-burning appliances. Particular requirements - Vent valves BS EN 17681-1:2025 Textiles and textile products. Per- and polyfluoroalkyl substances (PFAS) - Analysis of an alkaline extract using liquid chromatography and tandem mass spectrometry BS ISO 502:2025 Hard coal. Determination of caking power. Gray-King coke test BS EN IEC 61753-084-02:2025 Fibre optic interconnecting devices and passive components. Performance standard - Non connectorised single-mode 980/1550 nm WWDM devices for category C. Indoor controlled environment BS EN ISO 2477:2025	Shaped insulating refractory products. Determination of permanent change in dimensions on heating Replace: BS EN 1094-6:2000 BS EN 9300-007:2025 Aerospace series. LOTAR. Long Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Terms and definitions BS EN 15347-2:2025 Plastics. Sorted plastics wastes - Quality grades of sorted polyethylene (PE) wastes and specific test methods BS EN 15347-6:2025 Plastics. Sorted plastics wastes - Quality grades of sorted polystyrene (PS) wastes and specific test methods BS EN 15347-5:2025 Plastics. Sorted plastics wastes - Quality grades of sorted poly(vinyl chloride) (PVC) wastes and specific test methods BS EN 15347-4:2025 Plastics. Sorted plastics wastes - Quality grades of sorted poly(ethylene terephthalate) (PET) wastes and specific test methods BS EN 15347-3:2025 Plastics. Sorted plastics wastes - Quality grades of sorted polypropylene (PP) wastes and specific test methods BS EN ISO 11357-5:2025 Plastics. Differential scanning calorimetry (DSC) -	Determination of characteristic reaction-curve temperatures and times, enthalpy of reaction and degree of conversion Replace: BS EN ISO 11357-5:2014 BS ISO 13629-1:2025 Textiles. Determination of antifungal activity of textile products - Luminescence method BS ISO 8075:2025 Aerospace. Surface treatment of hardenable stainless steel parts BS ISO 8074:2025 Aerospace. Surface treatment of austenitic stainless steel parts BS ISO 8079:2025 Aerospace process. Anodic treatment of aluminium alloys. Sulfuric acid process, dyed coating BS ISO 8078:2025 Aerospace process. Anodic treatment of aluminium alloys. Sulfuric acid process, undyed coating BS EN ISO 16831:2025 Non-destructive testing. Ultrasonic testing. Characterization and verification of ultrasonic equipment for the determination of thickness Replace: BS EN 15317:2013 BS ISO/IEC 21471:2025 Information technology. Automatic identification and data capture techniques. Data Matrix Rectangular Extension (DMRE) bar code symbology specification
---	--	---

BS ISO 17297:2025

Microbeam analysis. Focused ion beam application for TEM specimen preparation.

Vocabulary

BS ISO 37114:2025

Sustainable cities and communities. Appraisal framework for datasets and data processing methods that create urban management information

BS ISO 37003:2025

Fraud control management systems. Guidance for organizations managing the risk of fraud

BS ISO 17987-1:2025

Road vehicles. Local Interconnect Network (LIN) - General information and use case definition

BS ISO 5868:2025

Ophthalmic optics and instruments. Anomaloscopes for the diagnosis of red-green colour vision deficiencies

BS EN 13852-1:2025

Cranes. Offshore cranes - General-purpose offshore cranes
Replace: BS EN 13852-1:2013

BS ISO 16468:2025

Investment castings (steel, nickel alloys and cobalt alloys) — General technical requirements

BS ISO 1017:2025

Brown coals and lignites. Determination of acetone-soluble material ("resinous

substance") in the benzene-soluble extract

BS ISO 20120:2025

Lubricants. Determination of the coefficient of friction of synchronizer lubricated by manual transmission fluids (MTF). High-frequency, linear-oscillation (SRV) test machine

BS ISO 24521:2025

Drinking water, wastewater and stormwater systems and services — Management of on-site domestic wastewater services

BS ISO 11713:2025

Carbonaceous materials used in the production of aluminium. Cathode blocks and baked anodes. Determination of the specific electrical resistivity at ambient temperature

BS ISO 21564:2025

Health informatics. Terminology resource map quality measures and requirements (MapQual)

BS EN 14944-4:2025

Influence of cement based products on water intended for human consumption. Test methods - Migration of substances from site-applied cement based materials and associated non-cement based products/materials

BS EN 14944-2:2025

Influence of cement based products on water intended for human consumption. Test methods - Influence of site-applied cement based materials and associated non-cement

based products/materials on organoleptic parameters and migration of organic substances (TOC)

BS ISO 20816-21:2025

Mechanical vibration. Measurement and evaluation of machine vibration - Horizontal axis wind turbines

BS EN 16510-2-7:2025

Residential solid fuel burning appliances - Combination appliances fired by wood logs and pellets

BS ISO 10110-6:2025

Optics and photonics. Preparation of drawings for optical elements and systems - Centring and tilt tolerances
Replace: BS ISO 10110-6:2015

BS ISO 4669-2:2025

Document management. Information classification, marking and handling - Functional and technical requirements for ICMH solutions

BS ISO 7689:2025

Aerospace series. Bolts, with MJ threads, made of alloy steel, strength class 1 100 MPa. Procurement specification

BS EN ISO 5059-1:2025

Geometrical product specifications (GPS). Dimensional measuring equipment - Design and metrological characteristics of two-point inside micrometers

BS EN 1364-6:2025

Fire resistance tests for non-loadbearing elements - Open-state cavity barriers
BS EN ISO 5059-1:2025
 Geometrical product specifications (GPS).
 Dimensional measuring equipment - Design and metrological characteristics of two-point inside micrometers
BS IEC 61156-14:2025
 Multicore and symmetrical pair/quad cables for digital communications - Symmetrical single pair cables with transmission characteristics up to 20 MHz. Work area wiring.
 Sectional specification
BS ISO 11108:2025
 Information and documentation. Archival paper. Requirements for permanence and durability
BS EN 9227-1:2025
 Aerospace series. Programme management. Guide to dependability and safety control
BS EN 126:2025
 Safety and control devices for burners and appliances burning gaseous fuels. Multifunctional controls
 Replace:BS EN 126:2012
BS EN ISO 22739:2025
 Blockchain and distributed ledger technologies. Vocabulary
BS EN ISO 6590-1:2025
 Packaging. Vocabulary - Paper sacks

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM D93-25
 Standard Test Methods for Flash Point by Pensky-Martens Closed Cup Tester
 Pages: 20
 Replace: ASTM D93-20
ASTM E3406-25e1
 Standard Guide for Microspectrophotometry in Forensic Fiber Analysis
 Pages: 7
 Replace: ASTM E3406-25
ASTM C783-25
 Standard Practice for Core Sampling of Graphite Electrodes
 Pages: 3
 Replace: ASTM C783-85(2020)
ASTM D8148-24e1
 Standard Test Method for Spectroscopic Determination of Haze in Fuels
 Pages: 9
 Replace: ASTM D8148-24
ASTM F2900-25
 Standard Guide for Characterization of Hydrogels Used in Regenerative Medicine
 Pages: 10
 Replace: ASTM F2900-11
ASTM D8575-25
 Standard Guide for Techniques to Lower Microbial Load of Post-Harvest Inflorescence of Cannabis and Hemp
 Pages: 7
ASTM F3645-25
 Standard Guide for Pre-clinical Testing of Materials Used to Regenerate Muscle Following Volumetric Muscle Loss Injuries

Pages: 6
ASTM D2835-89(2025)
 Standard Specification for Lubricant for Installation of Preformed Compression Seals in Concrete Pavements
 Pages: 3
 Replace:
 ASTM D2835-89(2017)
ASTM G182-25
 Standard Test Method for Determination of the Breakaway Friction Characteristics of Rolling Element Bearings
 Pages: 5
 Replace: ASTM G182-13(2018)
ASTM D143-25
 Standard Test Methods for Small Clear Specimens of Timber
 Pages: 33
 Replace: ASTM D143-23
ASTM E3483-25
 Standard Test Method for Evaluating the Impact of Nanomaterials on Phagocytic Function in Vitro
 Pages: 8
ASTM D4552/D4552M-20(2025)
 Standard Classification for Hot-Mix Recycling Agents
 Pages: 4
 Replace:
 ASTM D4552/D4552M-20
ASTM F2100-25
 Standard Specification for Performance of Materials Used in Medical Face Masks
 Pages: 5
 Replace: ASTM F2100-23

<p>ASTM D5973-97(2025) Standard Specification for Elastomeric Strip Seals with Steel Locking Edge Rails Used in Expansion Joint Sealing Pages: 3 Replace: ASTM D5973-97(2017)</p> <p>ASTM A314-25 Standard Specification for Stainless Steel Billets and Bars for Forging Pages: 4 Replace: ASTM A314-24</p> <p>ASTM E1326-25 Standard Guide for Evaluating Non-culture Microbiological Tests Pages: 6 Replace: ASTM E1326-20</p> <p>ASTM E875-25 Standard Practice for Evaluation of Fungal Control Agents as Preservatives for Aqueous-Based Products Used in the Paper Industry Pages: 4 Replace: ASTM E875-20</p> <p>ASTM B417-25 Standard Test Method for Apparent Density of Non-Free-Flowing Metal Powders Using the Carney Funnel Pages: 4 Replace: ASTM B417-22</p> <p>ASTM A1032-25 Standard Test Method for Hydrogen Embrittlement Resistance for Steel Wire Hard-Drawn Used for Prestressed Concrete Pipe Pages: 3</p>	<p>Replace: ASTM A1032-15(2019)</p> <p>ASTM E3408/E3408M-25 Standard Test Methods for Evaluating Ground Response Robot Capabilities: Dexterity: Inspect Pages: 31 Replace: ASTM E3408/E3408M-23</p> <p>ASTM D2974-25 Standard Test Methods for Determining the Water (Moisture) Content, Ash Content, and Organic Material of Peat and Other Organic Soils Pages: 4</p> <p>ASTM E2966-25 Standard Test Method for Quantitative Assessment of Sanitizing Solutions for Carpet Pages: 5 Replace: ASTM E2966-14(2019)</p> <p>ASTM D5465-25 Standard Practices for Determining Microbial Colony Counts from Waters Analyzed by Plating Methods Pages: 5 Replace: ASTM D5465-16(2020)</p> <p>ASTM D7843-25e1 Standard Test Method for Measurement of Lubricant Generated Insoluble Color Bodies in In-Service Turbine Oils using Membrane Patch Colorimetry Pages: 6 Replace: ASTM D7843-25</p> <p>ASTM A829/A829M-25</p>	<p>Standard Specification for Alloy Structural Steel Plates Pages: 4 Replace: ASTM A829/A829M-17</p> <p>ASTM A788/A788M-25a Standard Specification for Steel Forgings, General Requirements Pages: 18 Replace: ASTM A788/A788M-25</p> <p>ASTM E3022-25 Standard Practice for Measurement of Emission Characteristics and Requirements for LED UV-A Lamps Used in Fluorescent Penetrant and Magnetic Particle Testing Pages: 8 Replace: ASTM E3022-24</p> <p>ASTM E2921-25 Standard Practice for Minimum Criteria for Comparing Whole Building Life Cycle Assessments for Use with Building Codes, Standards, and Rating Systems Pages: 4 Replace: ASTM E2921-22</p> <p>ASTM F3430-25 Standard Specification for Closed-Cell Cellular Polypropylene (PP) Corrugated Wall Stormwater Collection Chambers Pages: 8 Replace: ASTM F3430-20</p> <p>ASTM E1444/E1444M-25 Standard Practice for Magnetic Particle Testing for Aerospace Pages: 15 Replace:</p>
--	--	--

ASTM E1444/E1444M-22a ASTM F1336-20(2025) Standard Specification for Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Gasketed Sewer Fittings Pages: 9 Replace: ASTM F1336-20	Standard Specification for Welded Nickel and Nickel Copper Alloy Tube Pages: 3 Replace: ASTM B730-08(2018)	ASTM D4940-25 Standard Test Method for Conductimetric Analysis of Water Soluble Ionic Contamination of Blast Cleaning Abrasives Pages: 3 Replace: ASTM D4940-15(2020)
ASTM F1760-16(2025) Standard Specification for Coextruded Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Non-Pressure Plastic Pipe Having Reprocessed-Recycled Content Pages: 8 Replace: ASTM F1760-16(2020)	ASTM A576-25 Standard Specification for Steel Bars, Carbon, Hot-Wrought, Special Quality Pages: 6 Replace: ASTM A576-23	ASTM B193-25 Standard Test Method for Resistivity of Electrical Conductor Materials Pages: 5 Replace: ASTM B193-20
ASTM D8574-25 Standard Test Method for Determination of Select Pesticides and Herbicides in Water by Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry (LC-MS/MS) Pages: 11	ASTM A99-25 Standard Specification for Ferromanganese Pages: 3 Replace: ASTM A99-03(2019)	ASTM B9-25 Standard Specification for Bronze Trolley Wire Pages: 6 Replace: ASTM B9-76(2024)
ASTM F3006-25 Standard Specification for Ball Drop Impact Resistance of Laminated Architectural Flat Glazing Pages: 4 Replace: ASTM F3006-20	ASTM C497/C497M-25 Standard Test Methods for Concrete Pipe, Concrete Box Sections, Manhole Sections, or Tile Pages: 17 Replace: ASTM C497-20e1	ASTM B263/B263M-25 Standard Test Method for Determination of Cross-Sectional Area of Stranded Conductors Pages: 3 Replace: ASTM B263/B263M-14(2020)
ASTM D3699-25 Standard Specification for Kerosene Pages: 5 Replace: ASTM D3699-24	ASTM A689-25 Standard Specification for Carbon and Alloy Steel Bars for Springs Pages: 4 Replace: ASTM A689-97(2018)	ASTM A961/A961M-25 Standard Specification for Common Requirements for Steel Flanges, Forged Fittings, Valves, and Parts for Piping Applications Pages: 9 Replace: ASTM A961/A961M-24b
ASTM D187-25 Standard Test Method for Burning Quality of Kerosene Pages: 5 Replace: ASTM D187-24	ASTM A503/A503M-25 Standard Specification for Ultrasonic Examination of Forged Crankshafts Pages: 3 Replace: ASTM A503/A503M-15(2020)	ASTM D5001-25 Standard Test Method for Measurement of Lubricity of Aviation Turbine Fuels by the
ASTM B730-25	ASTM D612-25 Standard Test Method for Carbonizable Substances in Paraffin Wax Pages: 4 Replace: ASTM D612-88(2017)	

Ball-on-Cylinder Lubricity Evaluator (BOCLE) Pages: 12 Replace: ASTM D5001-23 ASTM D7826-25a Standard Guide for Evaluation of New Aviation Gasolines and New Aviation Gasoline Additives Pages: 30 Replace: ASTM D7826-25 ASTM F1334-25 Standard Test Method for Determining A-weighted Sound Power Level of Vacuum Cleaners Pages: 9 Replace: ASTM F1334-24 ASTM C99/C99M-25 Standard Test Method for Modulus of Rupture of Dimension Stone Pages: 4 Replace: ASTM C99/C99M-24 ASTM D4054-25 Standard Practice for Evaluation of New Aviation Turbine Fuels and Fuel Additives Pages: 49 Replace: ASTM D4054-24a ASTM D6299-25 Standard Practice for Applying Statistical Quality Assurance and Control Charting Techniques to Evaluate Analytical Measurement System Performance Pages: 36 Replace: ASTM D6299-23a ASTM F3713-25 Standard Practice for Measuring Mobile Manipulator	Performance: Recording the Workpiece Configuration Pages: 45 ASTM D4814-25 Standard Specification for Automotive Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 36 Replace: ASTM D4814-24b ASTM D2854-09(2025) Standard Test Method for Apparent Density of Activated Carbon Pages: 3 Replace: ASTM D2854-09(2019) ASTM C471M-25 Standard Test Methods for Chemical Analysis of Gypsum and Gypsum Products (Metric) Pages: 19 Replace: ASTM C471M-24 ASTM B243-25 Standard Terminology of Powder Metallurgy Pages: 10 Replace: ASTM B243-24 ASTM E3439-25 Standard Guide for PFAS Data Evaluation Pages: 44 ASTM F2882/F2882M-17(2025) Standard Specification for Screws, Alloy Steel, Heat Treated, 170 ksi and 1170 MPa Minimum Tensile Strength (Inch and Metric) Pages: 7 Replace: ASTM F2882/F2882M-17 ASTM D7872-25	Standard Test Method for Determining the Concentration of Pipeline Drag Reducer Additive in Aviation Turbine Fuels Pages: 5 Replace: ASTM D7872-13(2022) ASTM F3442-25 Standard Specification for Detect and Avoid System Performance Requirements Pages: 51 Replace: ASTM F3442/F3442M-23 ASTM F1080-93(2025) Standard Test Method for Determining the Consistency of Viscous Liquids Using a Consistometer Pages: 2 Replace: ASTM F1080-93(2019) ASTM D857-17(2025) Standard Test Method for Aluminum in Water Pages: 6 Replace: ASTM D857-17 ASTM E1588-25 Standard Test Method for Primer Gunshot Residue Analysis by Scanning Electron Microscopy/Energy Dispersive X-Ray Spectrometry Pages: 16 Replace: ASTM E1588-20 ASTM D8572-25 Standard Practice for Determining the Impact of an Asphalt Additive on Unaged Asphalt Binder Rheology Using Dynamic Shear Rheometer
---	--	---

<p>Pages: 3 ASTM F1973-25 Standard Specification for Factory Assembled Anodeless Risers and Transition Fittings in Polyethylene (PE) and Polyamide 11 (PA11) and Polyamide 12 (PA12) Fuel Gas Distribution Systems Pages: 5 Replace: ASTM F1973-21 ASTM A498/A498M-25 Standard Specification for Seamless and Welded Carbon Steel Heat-Exchanger Tubes with Integral Fins Pages: 5 Replace: ASTM A498/A498M- 17(2023) ASTM C1728-25 Standard Specification for Flexible Aerogel Insulation Pages: 5 Replace: ASTM C1728-23 ASTM F905-25 Standard Practice for Qualification of Polyethylene Saddle-Fused Joints Pages: 3 Replace: ASTM F905-04(2022) ASTM F3533/F3533M-25 Standard Guide for Inspection and Acceptance of Installed Thermoplastic Storm and Sanitary Sewer Pipe Pages: 7 Replace: ASTM F3533/F3533M-24 ASTM C1723-25 Standard Guide for Examination of Hardened Concrete Using Scanning Electron Microscopy</p>	<p>Pages: 10 Replace: ASTM C1723-16(2022) ASTM E3487-25 Standard Terminology for Diversity, Equity, and Inclusion (DEI) Needs Assessment Pages: 2 ASTM A450/A450M-25a Standard Specification for General Requirements for Carbon and Low Alloy Steel Tubes Pages: 10 Replace: ASTM A450/A450M-25 ASTM D3487-25 Standard Specification for Mineral Insulating Liquid Used in Electrical Apparatus Pages: 6 Replace: ASTM D3487-24 ASTM A839-25 Standard Specification for Iron- Phosphorus Powder Metallurgy Parts for Soft Magnetic Applications Pages: 4 Replace: ASTM A839-15(2023) ASTM F1743-25 Standard Practice for Rehabilitation of Existing Pipelines and Conduits by Pulled-in-Place Installation of Cured-in-Place Thermosetting Resin Pipe (CIPP) Pages: 9 Replace: ASTM F1743-24 ASTM F1488-25 Standard Specification for Coextruded Composite Pipe Pages: 12</p>	<p>Replace: ASTM F1488-24 ASTM C1550-25 Standard Test Method for Flexural Toughness of Fiber Reinforced Concrete (Using Centrally Loaded Round Panel) Pages: 14 Replace: ASTM C1550-20 ASTM E23-25 Standard Test Methods for Notched Bar Impact Testing of Metallic Materials Pages: 27 Replace: ASTM E23-24 ASTM E6-23ae1 Standard Terminology Relating to Methods of Mechanical Testing Pages: 12 Replace: ASTM E6-23a ASTM A960/A960M-25 Standard Specification for Common Requirements for Wrought Steel Piping Fittings Pages: 11 Replace: ASTM A960/A960M-24a ASTM D2321-25 Standard Practice for Underground Installation of Thermoplastic Pipe for Sewers and Other Gravity-Flow Applications Pages: 13 Replace: ASTM D2321-20 ASTM E3249-25 Standard Guide for Remedial Action Resiliency to Climate Impacts Pages: 14 Replace: ASTM E3249-21 ASTM E3072-25</p>
--	---	--

<p>Standard Terminology for Industrial Biotechnology and Synthetic Biology Pages: 3 Replace: ASTM E3072-24 ASTM D2248-25a</p>	<p>Standard Specification for Flexible Fibrous Glass Insulation for Metal Buildings Pages: 4 Replace: ASTM C991-25 ASTM F1671/F1671M-25</p>	<p>Cellular Thermal Insulation in Sheet and Tubular Form Pages: 6 Replace: ASTM C534/C534M-24 ASTM B843-18(2025)</p>
<p>Standard Practice for Detergent Resistance of Organic Finishes Pages: 5 Replace: ASTM D2248-25 ASTM B864/B864M-25</p>	<p>Standard Test Method for Resistance of Materials Used in Protective Clothing to Penetration by Blood-Borne Pathogens Using Phi-X174 Bacteriophage Penetration as a Test System Pages: 11 Replace: ASTM F1671/F1671M-22 ASTM A312/A312M-25</p>	<p>Standard Specification for Magnesium Alloy Anodes for Cathodic Protection Pages: 2 Replace: ASTM B843-18e1 ASTM B199-17(2025)</p>
<p>Standard Specification for Corrugated Aluminum Box Culverts Pages: 7 Replace: ASTM B864/B864M-19 ASTM B694-25</p>	<p>Standard Specification for Seamless, Welded, and Heavily Cold Worked Austenitic Stainless Steel Pipes Pages: 14 Replace: ASTM A312/A312M-24b ASTM C1676/C1676M-25</p>	<p>Standard Specification for Magnesium-Alloy Permanent Mold Castings Pages: 6 Replace: ASTM B199-17 ASTM B92/B92M-17(2025)</p>
<p>Standard Specification for Copper, Copper-Alloy, Copper-Clad Bronze (CCB), Copper-Clad Stainless Steel (CCS), and Copper-Clad Alloy Steel (CAS) Sheet and Strip for Electrical Cable Shielding Pages: 8 Replace: ASTM B694-19 ASTM D7739-25</p>	<p>Standard Specification for Seamless, Welded, and Heavily Cold Worked Austenitic Stainless Steel Pipes Pages: 14 Replace: ASTM A312/A312M-24b ASTM C1676/C1676M-25</p>	<p>Standard Specification for Unalloyed Magnesium Ingot and Stick For Remelting Pages: 2 Replace: ASTM B92/B92M-17 ASTM F3062/F3062M-25</p>
<p>Standard Practice for Thermal Oxidative Stability Measurement via Quartz Crystal Microbalance Pages: 6 Replace: ASTM B694-19 ASTM D7739-25</p>	<p>Standard Specification for Microporous Thermal Insulation Pages: 5 Replace: ASTM C1676/C1676M-23 ASTM A513/A513M-25</p>	<p>Standard Specification for Aircraft Powerplant Installation Pages: 12 Replace: ASTM F3062/F3062M-20 ASTM D938-25</p>
<p>Standard Practice for Thermal Oxidative Stability Measurement via Quartz Crystal Microbalance Pages: 6 Replace: ASTM D7739-11(2020) ASTM D7186-25</p>	<p>Standard Specification for Electric-Resistance-Welded Carbon and Alloy Steel Mechanical Tubing Pages: 21 Replace: ASTM A513/A513M-24 ASTM C534/C534M-25</p>	<p>Standard Test Method for Congealing Point of Petroleum Waxes, Including Petrolatum Pages: 3 Replace: ASTM D938-12(2017) ASTM F1137/F1137M-25</p>
<p>Standard Practice for Quality Assurance Observation of Roof Construction and Repair Pages: 12 Replace: ASTM D7186-14(2021) ASTM C991-25a</p>	<p>Standard Specification for Preformed Flexible Elastomeric</p>	<p>Standard Specification for Phosphate/Oil Corrosion Protective Coatings for Fasteners Pages: 3 Replace:</p>

ASTM F1137/F1137M-19 ASTM B926-09(2025) Standard Method for Pinhole Determination in Aluminum and Aluminum Alloy Plain Foil by Means of a Light Table Pages: 2 Replace: ASTM B926-09(2017) ASTM F1281-25 Standard Specification for Crosslinked Polyethylene/Aluminum/Crosslinked Polyethylene (PEX-AL-PEX) Pressure Pipe Pages: 12 Replace: ASTM F1281-24 ASTM G31-21(2025) Standard Guide for Laboratory Immersion Corrosion Testing of Metals Pages: 10 Replace: ASTM G31-21 ASTM A979/A979M-25 Standard Specification for Concrete Pavements and Linings Installed in Corrugated Steel Structures in the Field Pages: 4 Replace: ASTM A979/A979M-03(2019) ASTM B91-17(2025) Standard Specification for Magnesium-Alloy Forgings Pages: 4 Replace: ASTM B91-17 ASTM A979/A979M-25 Standard Specification for Concrete Pavements and Linings Installed in Corrugated Steel Structures in the Field Pages: 4	Replace: ASTM A979/A979M-03(2019) ASTM D721-25 Standard Test Method for Oil Content of Petroleum Waxes Pages: 7 Replace: ASTM D721-17 ASTM B94-18(2025) Standard Specification for Magnesium-Alloy Die Castings Pages: 6 Replace: ASTM B94-18 ASTM D8545-25 Standard Test Method for Determination of the Metal Deactivator Additive (MDA) (N,N'-disalicylidene-1,2-propanediamine) Content in Aviation Turbine Fuel by High Performance Liquid Chromatography (HPLC) Pages: 12 Replace: ASTM D8545-23e1 ASTM G50-20(2025) Standard Practice for Conducting Atmospheric Corrosion Tests on Metals Pages: 6 Replace: ASTM G50-20 ASTM A832/A832M-25 Standard Specification for Pressure Vessel Plates, Alloy Steel, Chromium-Molybdenum-Vanadium Pages: 4 Replace: ASTM A832/A832M-17 ASTM F3702-25 Standard Guide for Additive Manufacturing (AM)—Metallic Powder Feedstock—Assessing the Effect of Moisture	Pages: 11 ASTM F3760-25 Standard Practice for Hydrogel Projectile Launcher Field Operation Pages:3 ASTM D8608-25 Standard Test Method for Flame Resistance of Leather (12/60 Second Vertical Burn Test) Pages: 8 ASTM A710/A710M-25 Standard Specification for Precipitation-Strengthened Low-Carbon Nickel-Copper-Chromium-Molybdenum-Columbium (Niobium) Alloy Structural Steel Plates Pages: 4 Replace: ASTM A710/A710M-19 ASTM G78-20(2025) Standard Guide for Crevice Corrosion Testing of Iron-Base and Nickel-Base Stainless Alloys in Seawater and Other Chloride-Containing Aqueous Environments Pages: 7 Replace: ASTM G78-20 ASTM D7042-25 Standard Test Method for Dynamic Viscosity and Density of Liquids by Stabinger Viscometer (and the Calculation of Kinematic Viscosity) Pages: 13 Replace: ASTM D7042-21a ASTM F2469-25 Standard Test Method for Measuring Optical Angular Deviation of Transparent Parts
--	--	--

Using the Double-Exposure Method

Pages: 4

Replace: ASTM F2469-20

ASTM E1549/E1549M-25

Standard Specification for ESD Controlled Garments Required in Cleanrooms and Controlled Environments for Spacecraft for Non-Hazardous and Hazardous Operations

Pages: 12

Replace: ASTM E1549/E1549M-13(2022)

ASTM A510/A510M-25

Standard Specification for General Requirements for Wire Rods and Coarse Round Wire, Carbon Steel, and Alloy Steel

Pages: 7

Replace:

ASTM A510/A510M-24

ASTM A1055/A1055M-25

Standard Specification for Zinc and Epoxy Dual-Coated Steel Reinforcing Bars

Pages: 10

Replace:

ASTM A1055/A1055M-22

ASTM F606/F606M-25

Standard Test Methods for Determining the Mechanical Properties of Externally and Internally Threaded Fasteners, Washers, Direct Tension Indicators, and Rivets

Pages: 19

Replace: ASTM F606/F606M-24

ASTM F1165-25

Standard Test Method for Measuring Angular

Displacement of Multiple Images in Transparent Parts

Pages: 4

Replace: ASTM F1165-20

ASTM C1397-25

Standard Practice for Application of Class PB Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) and EIFS with Drainage

Pages: 12

Replace: ASTM C1397-

13(2019)

❖ TIÊU CHUẨN JIS

JIS A 5416:2025

Autoclaved lightweight aerated concrete panels

Pages: 62

JIS A 8341-3:2025

Earth-moving machinery-Functional safety-Part 3: Environmental performance and test requirements of electronic and electrical components used in safety-related parts of the control system

Pages: 16

JIS B 8703:2025

Performance measurement method of drag-reducing agent for water circulation system in central air conditioning system

Pages: 20

JIS B 9921:2025

Light scattering airborne particle counter for clean spaces

Pages: 46

JIS C 8364:2025

Busways

Pages: 36

JIS C 61810-10:2025

Electromechanical elementary relays-Part 10: Additional functional aspects and safety requirements for high-capacity relays

Pages: 62

JIS K 0155:2025

Surface chemical analysis-Secondary ion mass spectrometry-Linearity of intensity scale in single ion counting time-of-flight mass analysers

Pages: 28

JIS Q 27001:2023/AMENDMENT 1:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection-Information security management systems-Requirements (Amendment 1)

Pages: 4

JIS Q 50001:2019/AMENDMENT 1:2025

Energy management systems-Requirements with guidance for use (Amendment 1)

Pages: 4

JIS S 3031:2025

General rules for test methods of oil burning appliances

Pages: 106

JIS S 3303:2025

Test method for disinfection performance of wet wipes and disinfection effect

Pages: 20

JIS Z 7161:2025

Labels for environmental-impacts achievement levels for the products using

fluorocarbons or alternative fluorocarbons

Pages: 28

JIS Z 8890:2025

Particle characterization of particulate systems-Vocabulary

Pages: 43

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN EN ISO 19168-1

Geographic information - Geospatial API for features -

Part 1: Core (ISO 19168-1:2025); English version

EN ISO 19168-1:2025

DIN EN ISO 22765

Nuclear fuel technology - Sintered (U,Pu)O₂ pellets - Guidance for ceramographic preparation for microstructure examination (ISO 22765:2025);

English version

EN ISO 22765:2025

DIN EN ISO 23675

Cosmetics - Sun protection test methods - In vitro

determination of sun protection factor (SPF) (ISO 23675:2024);

German version

EN ISO 23675:2025

DIN EN ISO 23698

Cosmetics - Measurement of the sunscreen efficacy by diffuse

reflectance spectroscopy

(ISO 23698:2024); German

version EN ISO 23698:2025

DIN EN ISO 23953-2

Refrigerated display cabinets - Part 2: Classification,

requirements and test

conditions (ISO 23953-2:2023);

German version EN ISO 23953-2:2023

DIN EN ISO 24664

Refrigerating systems and heat pumps - Pressure relief devices and their associated piping -

Methods for calculation

(ISO 24664:2024); German

version EN ISO 24664:2024

DIN ISO 965-2

ISO general purpose metric screw threads - Tolerances -

Part 2: Limits of sizes for internal and external threads

(tolerance classes 6H and 6g for

M1,6 to M100 and 5H and 6h for

M1 to M1,4) (ISO 965-2:2024)

DIN ISO 3323

Aircraft - Hydraulic

components - Marking to indicate the fluid for which a

component is approved

(ISO 3323:2023)

DIN ISO 5685

Road vehicles - Testing the

abrasion resistance of automotive glazing with the

windscreen wiper test

(ISO 5685:2022)

DIN ISO 8575

Aerospace series - Fluid

systems - Hydraulic system

tubing (ISO 8575:2024)

DIN ISO 11040-4

Prefilled syringes - Part 4: Glass barrels for injectables and

sterilized subassembled

syringes ready for filling

(ISO 11040-4:2024)

DIN ISO 12858-2

Optics and optical instruments -

Ancillary devices for geodetic

instruments - Part 2: Tripods (ISO 12858-2:2020)

DIN ISO 14635-1

Gears - FZG test procedures -

Part 1: FZG test method

A/8,3/90 for relative scuffing

load-carrying capacity of oils

(ISO 14635-1:2023)

DIN ISO 14635-2

Gears - FZG test procedures -

Part 2: FZG step load test

A10/16,6R/120 for relative

scuffing load-carrying capacity

of high EP oils (ISO 14635-

2:2023)

DIN ISO 14635-3

Gears - FZG test procedures -

Part 3: FZG test method

A/2,8/50 for relative scuffing

load-carrying capacity and wear characteristics of semifluid gear

greases (ISO 14635-3:2023)

DIN ISO 21360-1

Vacuum technology - Standard methods for measuring vacuum-

pump performance - Part 1:

General description (ISO 21360-1:2020)

DIN ISO 22343-1

Security and resilience - Vehicle

security barriers - Part 1:

Performance requirement,

vehicle impact test method and

performance rating (ISO 22343-1:2023)

DIN ISO 22343-2

Security and resilience - Vehicle

security barriers - Part 2:

Application (ISO 22343-2:2023)

DIN ISO 22935-1

Milk and milk products -

Sensory analysis - Part 1:

Recruitment, selection, training and monitoring of assessors (ISO 22935-1:2023) DIN ISO 22935-2	Open-state cavity barriers; German version EN 1364-6:2025 DIN EN 1680	Aerospace series - Aluminium pigmented organic coatings for fasteners - Technical specification; German and English version EN 4473:2024 DIN EN 4474
Milk and milk products - Sensory analysis - Part 2: Methods for sensory evaluation (ISO 22935-2:2023) DIN ISO 22935-3	Plastics piping systems - Valves for polyethylene (PE) piping systems - Test method for leaktightness under and after bending applied to the operating mechanisms; German version EN 1680:2025 DIN EN 2213	Aerospace series - Aluminium pigmented organic coatings - Coating methods; German and English version EN 4474:2024 DIN EN 4888
Milk and milk products - Sensory analysis - Part 3: Method for evaluation of compliance with product specifications for sensory properties by scoring (ISO 22935-3:2023) VDI 4439	Aerospace series - Steel 15CrMoV6 (1.7334) - Air melted - Hardened and tempered - Bars - $D_e \leq 16 \text{ mm}$ - $980 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1180 \text{ MPa}$; German and English version EN 2213:2024 DIN EN 2955	Aerospace Series - Commercial aircraft passenger seats - Reliability testing; German and English version EN 4888:2024 DIN EN 6049-005
Conveying, handling, and storage of bulk materials - Avoidance, reduction of dust emissions DIN 51418-1	Aerospace series - Recycling of titanium and titanium alloy scrap; German and English version EN 2955:2025 DIN EN 4073	Aerospace series - Electrical cables, installation - Protection sleeve in meta-aramid fibres - Part 005: Sleeve flexible, post installation - Product standard; German and English version EN 6049-005:2024 DIN EN 6059-203
X-ray spectrometry - X-ray emission and X-ray fluorescence analysis (XRF) - Part 1: General vocabulary; Text in German and English DIN EN 71-15	Aerospace series - Screw, pan head, hexalobular recess, coarse tolerance shank, medium length thread, in alloy steel, cadmium plated - Classification: 1100 MPa (at ambient temperature)/ $235 \text{ }^\circ\text{C}$; German and English version EN 4073:2025 DIN EN 4075	Aerospace series - Electrical cables, installation - Protection sleeves - Test methods - Part 203: Coverage; German and English version EN 6059-203:2024 DIN EN 10334
Safety of toys - Part 15: Formamide in foam toy materials (content); German version EN 71-15:2025 DIN EN 478	Aerospace series - Screw, pan head, offset cruciform recess, threaded to head, in corrosion resisting steel, passivated, metric - Classification: 490 MPa (at ambient temperature)/ $425 \text{ }^\circ\text{C}$; German and English version EN 4075:2025 DIN EN 4473	Steel for packaging - Flat steel products intended for use in contact with foodstuffs, products and beverages for human and animal consumption - Non-coated steel (blackplate); German version EN 10334:2024 DIN EN 10335
Plastics - Poly(vinyl chloride) (PVC) based profiles - Determination of the appearance after exposure at $150 \text{ }^\circ\text{C}$; German version EN 478:2025 DIN EN 1364-6		Steel for packaging - Flat steel products intended for use in contact with foodstuffs, products or beverages for human and

animal consumption - Non alloyed electrolytic chromium/chromium oxide coated steel; German version EN 10335:2024 DIN EN 12100 Plastics piping systems - Polyethylene (PE) valves - Test method for resistance to bending between supports; German version EN 12100:2025 DIN EN 12312-5 Aircraft ground support equipment - Specific requirements - Part 5: Aircraft fuelling equipment; German and English version EN 12312-5:2021+A1:2025 DIN EN 12390-4 Testing hardened concrete - Part 4: Compressive strength - Specification for testing machines; German version EN 12390-4:2025 DIN EN 12697-35 Bituminous mixtures - Test methods - Part 35: Laboratory mixing; German version EN 12697-35:2025 DIN EN 12953-9 Shell boilers - Part 9: Requirements for limiting devices of the boiler and accessories; German version EN 12953-9:2024 DIN EN 12999 Cranes - Loader cranes; German version EN 12999:2020+A1:2025 DIN EN 13160-4 Leak detection systems - Part 4: Requirements and test/assessment methods for sensor based leak detection systems; German	version EN 13160-4:2016+A1:2024 DIN EN 14125 Thermoplastic and flexible metal pipework for underground installation at petrol filling stations; German version EN 14125:2025 DIN EN 14361 Aluminium and aluminium alloys - Chemical analysis - Sampling from metal melts; German version EN 14361:2025 DIN EN 14960-4 Inflatable play equipment - Part 4: Additional safety requirements and test methods for bungee runs; German version EN 14960-4:2025 DIN EN 15180 Food processing machinery - Food depositors - Safety and hygiene requirements; German version EN 15180:2025 DIN EN 15491 Ethanol as a blending component for petrol - Determination of total acidity - Colour indicator titration method; German version EN 15491:2025 DIN EN 16668 Industrial valves - Requirements and testing for metallic valves as pressure accessories; German version EN 16668:2025 DIN EN 17149-3 Railway applications - Strength assessment of rail vehicle structures - Part 3: Fatigue strength assessment based on cumulative damage; German version EN 17149-3:2025 DIN EN 17487	Protective clothing - Garments with permethrin as-treated articles supporting the protection against tick bites; German version EN 17487:2024 DIN EN 17877 Dynamic mixers and agitators - Definitions and hydraulic characterizations; German version EN 17877:2023 DIN EN 17940 Glass in building - Folio interlayers for the manufacturing of laminated glass; German version EN 17940:2025 DIN EN 18031-1 Common security requirements for radio equipment - Part 1: Internet connected radio equipment; German version EN 18031-1:2024 DIN EN IEC 61158-5-28 Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-28: Application layer service definition - Type 28 elements (IEC 61158-5-28:2023); English version EN IEC 61158-5-28:2023 DIN EN ISO 5640 Industrial valves - Mounting kits for part-turn valve actuator attachment (ISO 5640:2024); German version EN ISO 5640:2024 DIN EN ISO 8044 Corrosion of metals and alloys - Vocabulary (ISO 8044:2024); Trilingual version EN ISO 8044:2025 DIN EN ISO 9038
---	---	---

<p>Determination of sustained combustibility of liquids (ISO 9038:2025); German version EN ISO 9038:2025 DIN EN ISO 10855-1</p> <p>Offshore containers and associated lifting sets - Part 1: Design, manufacture and marking of offshore containers (ISO 10855-1:2024); English version EN ISO 10855-1:2024 DIN EN ISO 10855-2</p> <p>Offshore containers and associated lifting sets - Part 2: Design, manufacture and marking of lifting sets (ISO 10855-2:2024); German version EN ISO 10855-2:2024 DIN EN ISO 10855-3</p> <p>Offshore containers and associated lifting sets - Part 3: Periodic inspection, examination and testing (ISO 10855-3:2024); German version EN ISO 10855-3:2024 DIN EN ISO 10928</p> <p>Plastics piping systems - Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes and fittings - Methods for regression analysis and their use (ISO 10928:2024); German version EN ISO 10928:2025 DIN EN ISO 10993-5/A11</p> <p>Biological evaluation of medical devices - Part 5: Tests for in vitro cytotoxicity (ISO 10993-5:2009); German version EN ISO 10993-5:2009/A11:2025 DIN EN ISO 11118</p> <p>Gas cylinders - Non-refillable metallic gas cylinders -</p>	<p>Specification and test methods (ISO 11118:2025); German version EN ISO 11118:2025 DIN EN ISO 12460-2</p> <p>Wood-based panels - Determination of formaldehyde release - Part 2: Small-scale chamber method (ISO 12460-2:2024); German version EN ISO 12460-2:2025 DIN EN ISO 13143</p> <p>Electronic fee collection - Evaluation of on-board and roadside equipment for conformity to ISO 12813 (ISO 13143:2025); English version EN ISO 13143:2025 DIN EN ISO 13165-3</p> <p>Water quality - Radium-226 - Part 3: Test method using coprecipitation and gamma-ray spectrometry (ISO 13165-3:2024); German version EN ISO 13165-3:2024 DIN EN ISO 14343</p> <p>Welding consumables - Wire electrodes, strip electrodes, wires and rods for arc welding of stainless and heat resisting steels - Classification (ISO 14343:2025); German version EN ISO 14343:2025 DIN EN ISO 14574</p> <p>Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Mechanical properties of ceramic composites at high temperature - Determination of tensile properties (ISO 14574:2025); German version EN ISO 14574:2025 DIN EN ISO 14903</p>	<p>Refrigerating systems and heat pumps - Qualification of tightness of components and joints (ISO 14903:2025); German version EN ISO 14903:2025 DIN EN ISO 15118-10</p> <p>Road vehicles - Vehicle to grid communication interface - Part 10: Physical layer and data link layer requirements for single-pair Ethernet (ISO 15118-10:2025); English version EN ISO 15118-10:2025 DIN EN ISO 15708-2</p> <p>Non-destructive testing - Radiation methods for computed tomography - Part 2: Principles, equipment and samples (ISO 15708-2:2025); German version EN ISO 15708-2:2025 DIN EN ISO 16486-3</p> <p>Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels - Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Part 3: Fittings (ISO 16486-3:2025); German version EN ISO 16486-3:2025 DIN EN ISO 16961</p> <p>Oil and gas industries including lower carbon energy - Internal coating and lining of steel storage tanks (ISO 16961:2024); German version EN ISO 16961:2024 DIN EN ISO 17715</p> <p>Flour from wheat (<i>Triticum aestivum</i> L.) - Amperometric method for starch damage measurement (ISO 17715:2025); German version EN ISO 17715:2025</p>
---	---	---

DIN EN ISO 19901-4

Oil and gas industries including lower carbon energy - Specific requirements for offshore structures - Part 4: Geotechnical design considerations (ISO 19901-4:2025); English version EN ISO 19901-4:2025

DIN EN ISO 20236

Water quality - Determination of total organic carbon (TOC), dissolved organic carbon (DOC), total bound nitrogen (TNb) and dissolved bound nitrogen (DNb) after high temperature catalytic oxidative combustion (ISO 20236:2024); German version EN ISO 20236:2024

DIN EN ISO 20505

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Mechanical properties of ceramic composites at room temperature - Determination of the interlaminar shear strength and shear modulus of continuous-fibre-reinforced composites by the compression of double-notched test pieces and by the Iosipescu test (ISO 20505:2023); German version EN ISO 20505:2023

DIN EN ISO 20537

Footwear - Identification of defects during visual inspection - Vocabulary (ISO 20537:2025); German version EN ISO 20537:2025

DIN EN ISO 20553

Radiation protection - Monitoring of workers occupationally exposed to a risk of internal contamination with radioactive

material (ISO 20553:2025);

German version

EN ISO 20553:2025

DIN EN ISO 21952

Welding consumables - Wire electrodes, wires, rods and deposits for gas shielded arc welding of creep-resisting steels - Classification (ISO 21952:2025);

German version

EN ISO 21952:2025

DIN EN ISO 22854

Liquid petroleum products - Determination of hydrocarbon types and oxygenates in automotive-motor gasoline and in ethanol (E85) automotive fuel - Multidimensional gas chromatography method (ISO 22854:2025); German version EN ISO 22854:2025

DIN EN ISO 23779

Shot blasting machinery - Safety and environmental requirements (ISO 23779:2024); German version EN ISO 23779:2025

DIN EN ISO 24096-1

Technical product documentation (TPD) - Classification of requirements - Part 1: Framework (ISO 24096-1:2024); German version EN ISO 24096-1:2024

DIN EN ISO 24096-2

Technical product documentation (TPD) - Classification of requirements - Part 2: Classification based on severity and susceptibility (ISO 24096-2:2024); German version EN ISO 24096-2:2024

DIN EN ISO 80369-2

Small-bore connectors for liquids and gases in healthcare applications - Part 2: Connectors for respiratory applications (ISO 80369-2:2024, Corrected version 2024-09); German version EN ISO 80369-2:2024

DIN ISO 9211-1

Optics and photonics - Optical coatings - Part 1: Vocabulary (ISO 9211-1:2024)

DIN ISO 21001/A1

Educational organizations - Management systems for educational organizations - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 21001:2018/Amd.1:2024)

DIN ISO 24147

Road operation machinery and associated equipment - Sweepers - Commercial specifications (ISO 24147:2023)

VDI/VDE 3511 Blatt 4.4

Temperature measurement in industry - Radiation thermometry - Calibration of radiation thermometers

❖ **Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)**

UL 30 Edition 10, 2025

Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids

UL 38 Edition 8, 2025

Standard for Manual Signaling Boxes for Fire Alarm Systems

UL 48 Edition 15, 2025

Standard for Electric Signs UL 96 Edition 16, 2025 Lightning Protection Components UL 142A Edition 1, 2025 Special Purpose Aboveground Tanks for Specific Flammable or Combustible Liquids UL 174 Edition 11, 2025 Standard for Household Electric Storage Tank Water Heaters UL 224 Edition 7, 2025 Extruded Insulating Tubing UL 268 Edition 8, 2025 Smoke Detectors for Fire Alarm Systems UL 385 Edition 10, 2025 Standard for Play Pipes for Water Supply Testing in Fire Protection Service UL 464A Edition 1, 2025 Audible Signal Appliances for General Signaling Use UL 486D Edition 7, 2025 Sealed Wire Connector Systems UL 499 Edition 14, 2025 Standard for Electric Heating Appliances UL 514C Edition 4, 2025 Standard for Nonmetallic Outlet Boxes, Flush-Device Boxes, and Covers UL 558 Edition 11, 2025 Industrial Trucks, Internal Combustion Engine-Powered UL 583 Edition 11, 2025 Electric-Battery-Powered Industrial Trucks UL 634 Edition 9, 2025 Standard for Connectors and Switches for Use with Burglar- Alarm Systems	UL 651A Edition 6, 2025 High Density Polyethylene (HDPE) Conduit UL 687 Edition 15, 2025 Standard for Burglary-Resistant Safes UL 696 Edition 10, 2025 Standard for Electric Toys UL 746A Edition 6, 2025 Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations UL 746S Edition 1, 2025 Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment UL 817 Edition 12, 2025 Standard for Cord Sets and Power-Supply Cords UL 823 Edition 10, 2025 Standard for Electric Heaters For Use In Hazardous (Classified) Locations UL 827 Edition 9, 2025 Central-Station Alarm Services UL 842 Edition 11, 2025 ANSI/CAN/UL/ULC Valves for Flammable and Combustible Liquids UL 858 Edition 16, 2025 Standard for Household Electric Ranges UL 917 Edition 5, 2025 Standard for Clock-Operated Switches UL 943 Edition 5, 2025 Ground-Fault Circuit- Interrupters UL 962 Edition 5, 2025 Household and Commercial Furnishings UL 979 Edition 4, 2025	Water Treatment Appliances UL 985 Edition 6, 2025 Standard for Household Fire Warning System Units UL 1008 Edition 9, 2025 Transfer Switch Equipment UL 1053 Edition 7, 2025 Standard for Ground-Fault Sensing and Relaying Equipment UL 1123 Edition 7, 2025 Standard for Marine Buoyant Devices UL 1316 Edition 3, 2025 Fibre Reinforced Underground Tanks for Flammable and Combustible Liquids UL 1323 Edition 4, 2025 Standard for Scaffold Hoists UL 1369 Edition 1, 2025 ANSI/CAN/UL/ULC Aboveground Piping for Flammable and Combustible Liquids UL 1400-2 Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Fault-Managed Power Systems UL 1446 Edition 8, 2025 Systems of Insulating Materials - General UL 1449 Edition 5, 2025 Surge Protective Devices UL 1469 Edition 2, 2025 Standard for Strength of Body and Hydraulic Pressure Loss Testing of Backflow Special Check Valves UL 1479 Edition 4, 2025 Standard for Fire Tests of Penetration Firestops UL 1480A Edition 1, 2025
---	--	--

Speakers for Commercial and Professional Use

UL 1484 Edition 6, 2025

Standard for Fuel Gas Alarms

UL 1565 Edition 6, 2025

Positioning Devices

UL 1647 Edition 6, 2025

Standard for Motor-Operated Massage and Exercise Machines

UL 1699 Edition 3, 2025

Standard for Arc-Fault Circuit-Interrupters

UL 1740 Edition 4, 2025

Standard for Robots and Robotic Equipment

UL 1741 Edition 3, 2025

Standard for Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With

Distributed Energy Resources

UL 1863 Edition 4, 2025

Standard for Communications-Circuit Accessories

UL 2075 Edition 2, 2025

Standard for Gas and Vapor Detectors and Sensors

UL 2594 Edition 3, 2025

Electric Vehicle Supply Equipment

UL 2597 Edition 1, 2025

Outline of Investigation for Test Method for Materials for Use in Transportation Applications: Surface Tracking Test (STT) Method

UL 2683 Edition 1, 2025

Electric Heating Systems for Floor and Ceiling Installation

UL 2711 Edition 1, 2025

Sustainability of Energy and Industrial Automation Equipment

UL 2846 Edition 1, 2025

Fire Test of Plastic Water Distribution Plumbing Pipe for Visible Flame and Smoke Characteristics

UL 2871 Edition 2, 2025

Outline of Investigation for Electric Vehicle (EV) Service and Production Chargers

UL 2877 Edition 5, 2025

Outline for Investigation for Power Supplies, Medium Voltage

UL 2941 Edition 1, 2025

Outline of Investigation for Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources

UL 3202 Edition 1, 2025

Outline of Investigation for Mobile Electric Vehicle Charging Systems Integrated with Energy Storage Systems

UL 3650 Edition 1, 2025

Standard for Product-level Climate Risk Assessment and Adaptation Management - General Sustainability Requirements and Practices

UL 3703 Edition 1, 2025

Solar Trackers

UL 5800 Edition 1, 2025

Battery Fire Containment Products

UL 6200 Edition 1, 2025

Controllers for Use in Power Production

UL 8400 Edition 1, 2025

Virtual Reality, Augmented Reality and Mixed Reality Technology Equipment

UL 9540A Edition 5, 2025

Test Method for Evaluating Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems

UL 9595 Edition 1, 2025

Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs)

UL 9990 Edition 2, 2025

Information and Communication Technology (ICT) Power Cables

UL 121203 Edition 2, 2025

Recommended Practice for Portable Electronic Products Suitable for Use in Class I and II, Division 2, Class I, Zone 2 and Class III, Division 2 and 2 Hazardous (Classified) Locations

UL 60335- 2-52 Edition 1, 2025

Standard for Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-52: Particular requirements for oral hygiene appliances

UL 60335- 2-89 Edition 2, 2025

Standard for Safety for Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-89: Particular Requirements for Commercial Refrigerating Appliances and Ice-Makers with an Incorporated or Remote Refrigerant Unit or Motor-Compressor

<p>UL 61010- 2-040 Edition 3, 2025 Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-040: Particular Requirements for Sterilizers and Washer-Disinfectors Used to Treat Medical Materials</p> <p>UL 61058- 2-6 Edition 1, 2025 Switches for appliances - Part 2-6: Particular requirements for switches used in electric motoroperated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery</p> <p>UL 62841- 2-20 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-20 Particular Requirements for Hand-Held Band Saws</p> <p>UL 62841- 2-23 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-22 Particular Requirements for Hand-Held Die Grinders and Small Rotary Tools</p> <p>UL 713002 Edition 1, 2025</p>	<p>System Testing Use</p> <p>ULC 104 Edition 4, 2025 Standard Method for Fire Tests of Door Assemblies</p> <p>ULC 106 Edition 3, 2025 Standard Method for Fire Tests of Window and Glass Block Assemblies</p> <p>ULC 129 Edition 4, 2025 Standard method of test for smoulder resistance of insulation (Baket method)</p> <p>ULC 146 Edition 1, 2025 Standard Method of Test for the Evaluation of Encapsulation Materials and Assemblies of Structural Timber Elements</p> <p>ULC 529 Edition 5, 2025 Smoke Detectors for Fire Alarm Systems</p> <p>ULC 548 Edition 4, 2025 Standard for devices and accessories for water type extinguishing system</p> <p>ULC 588 Edition 1, 2025 Gas and Vapour Detectors and Sensors, Including Accessories</p> <p>ULC 703 Edition 2, 2025 Standard for Cellulose Fibre Insulation (CFI) for Buildings</p> <p>ULC 743.2 Edition 1, 2025 Standard for thermal insulation – Low pressure applied two</p>	<p>component spray polyurethane foam, part 2: Installation</p> <p>ULC 801 Edition 2, 2025 Standard on electric utility workplace electrical safety for generation, transmission, and distribution</p> <p>ULC 1001 Edition 1, 2025 Standard for Integrated Systems Testing of Fire Protection and Life Safety Systems</p> <p>ULC 1981 Edition 1, 2025 Standard for Signal Receiving Centre Automation System</p> <p>ULC 6200 Edition1, 2025 Controllers for Use in Power Production</p>
--	--	--

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn